Ngày soạn:

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I**

**I. MỤC TIÊU: Phạm Huy**

***1.******Kiến thức:***Củng cố các kiến thức đã học, giúp học sinh hệ thống lại kiến thức đã học từ đầu năm đến nay.

**2.Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

Thực hiện tiết ôn tập này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

**Năng lực tự chủ, tự học**: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận

**Năng lực giao tiếp và hợp tác**: Học sinh thảo luận nhóm để để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận.

**Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về các kiến thức đã học từ đầu năm học đến nay qua các bài đã học.

**2.2. Năng lực Tin học**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

**Năng lực A (NLa):**

– *Sử dụng* được các thiết bị vào của máy tính để phân biệt được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu, vật mang thông tin và mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu.

– *Sử dụng* được các thiết bị vào của máy tính để thu nhận thông tin.

– *Sử dụng* được máy tính để biết cách mã hóa thông tin, xem được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng.

**-** Biết đượcnhững thành phần chính của một mạng máy tính

- Biết được lợi ích Internet trong cuộc sống hằng ngày.

**Năng lực C (NLc):** Hệ thống lại kiến thức từ đầu năm học đến nay

**Năng lực D (NLd):**

–*Sử dụng* máy tính:

+ Xem dung lượng của bộ nhớ như đĩa cứng, USB, CD/DVD, …

+ Để kết nối các kiểu kết nối mạng Internet như hình vòng, hình sao.

+ Biết các lợi ích mà Internet đem lại đối với bản thân.

+ Tìm kiếm thông tin cần thiết trên mạng Internet.

**Năng lực E (NLe):**

**-** Năng lực hợp tác trong môi trường số.

**3.Về phẩm chất:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái:Thể hiện sự cảm thông và sẳn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, …

**2. Học liệu:**

- GV: SGK, SBT, tài liệu tham khảo

- HS: SGK, bảng nhóm, bút lông, bút dạ, phấn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU :**  **a. Mục tiêu hoạt động :**  - Biết phân biệt được thông tin và dữ liệu, cho ví dụ minh họa.  **b. Nội dung :** Em hãy phân biệt sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu ? cho ví dụ minh họa ?  **c. Sản phẩm:** phân biệt được thông tin và dữ liệu, cho ví dụ minh họa.  **d. Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét | |
| **Hoạt động của GV** VÀ **HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - Hoạt động nhóm thảo luận tống nhất kết quả trên phiếu học tập.  Em hãy phân biệt sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu ? cho ví dụ minh họa ?  **- Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  + Các nhóm thảo luận bài tập và câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên.  **- Báo cáo kết quả thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình thông qua phiếu học tập.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận:**  + Sau khi thực hiện xong bài tập Giáo viên nhận xét đánh giá tinh thần, thái độ học tập và kết quả học sinh đã báo cáo. Từ đó hướng hướng học sinh nghiên cứu, tìm hiểu nội dung cho hoạt động hình thành kiến thức mới. | **Câu hỏi:** Em hãy phân biệt sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu ? Cho ví dụ minh họa ? |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (60 phút)**  **Hoạt động : ÔN TẬP LÝ THUYẾT**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Hệ thống lại kiến thức từ đầu năm học đến nay  **b. Nội dung: ÔN TẬP LÝ THUYẾT**  **c. Sản phẩm:** kiến thức từ đầu năm học đến nay  **d.Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét | |
| **Hoạt động của GV** VÀ **HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  Câu 1: Thông tin là gì? Dữ liệu là gì? Vật mang thông tin là gì? Cho ví dụ minh họa?  Screenshot_1  Câu 2: Quá trình xử lý thông tin gồm những bước nào? Máy tính gồm những thành phần nào? Và chức năng của các thành phần đó?  Câu 3:  1. Thông tin trong máy tính được biểu diễn dưới dạng nào? Bit là gì?  2. Thông tin trong máy tính thường được tổ chức dưới dạng nào? Trong thực tế, người ta thường đo thông tin bằng đơn vị nào?  Câu 4: Mạng máy tính là gì? Một mạng máy tính gồm những thành phần nào? Em hãy nêu một số lợi ích của mạng máy tính?  Câu 5: Em hiểu Internet là gì? Internet có những lợi ích gì?  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  \* Câu 1:  - Thông tin là những gì đem lại hiểu biết cho con người về thế giới xung quanh và về chính bản thân mình.  - Dữ liệu được thể hiện dưới dạng những con số, văn bản, hình ảnh và âm thanh.  - Vật mang thông tin là phương tiện được dùng để lưu trữ và truyền tải thông tin  \* Ví dụ:  + Hình ảnh trên có chữ, số: Dữ liệu  + Đi đến địa điểm du lịch: Thông tin  + Tấm bảng: Vật mang thông tin  Câu 2:  - Thu nhận thông tin, lưu trữ thông tin, xử lý thông tin, truyền thông tin.  + Thiết bị vào để thu nhận thông tin: bàn phím, chuột, máy quét, ….  + Thiết bị ra: Truyền hoặc chia sẻ thông tin như màn hình, máy in, …  + Bộ xử lý để xử lý thông tin bằng cách thực hiện chương trình máy tính do con người viết ra.  + Bộ nhớ để lưu trữ thông tin: Đĩa quang, đĩa từ, thẻ nhớ, USB, …  Câu 3:  1. Thông tin được biểu diễn trong máy tính bằng dãy bit. Mỗi bit là một kí hiệu 0 và 1 hay còn được gọi là số nhị phân.  - Bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin.  2.  + Văn bản, hình ảnh, âm thanh  + Bằng đơn vị Byte và các đơn vị lớn hơn:  Screenshot_37  Screenshot_36  Câu 4:  - Mạng máy tính: Hai hay nhiều máy tính và các thiết bị được kết nối để truyền thông tin cho nhau tạo thành một mạng máy tính  - Mạng máy tính gồm những thành phần: Các thiết bị đầu cuối, các thiết bị kết nối, phần mềm mạng  - Một số lợi ích của mạng máy tính : Người dùng có thể liên lạc với nhau để trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu và dùng chung các thiết bị trên mạng.  Câu 5:  - Internet là mạng liên kết các mạng máy tính trên khắp thế giới  + Trao đổi thông tin một cách nhanh chóng, hiệu quả.  + Học tập và làm việc trực tuyến  + Cung cấp nguồn tài liệu phong phú  + Cung cấp các tiện ích phục vụ đời sống  + Là phương tiện vui chơi, giải trí.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | **ÔN TẬP LÝ THUYẾT:**  **Câu 1:**  - Thông tin là những gì đem lại hiểu biết cho con người về thế giới xung quanh và về chính bản thân mình.  - Dữ liệu được thể hiện dưới dạng những con số, văn bản, hình ảnh và âm thanh.  - Vật mang thông tin là phương tiện được dùng để lưu trữ và truyền tải thông tin  \* Ví dụ:  + Hình ảnh trên có chữ, số: Dữ liệu  + Đi đến địa điểm du lịch: Thông tin  + Tấm bảng: Vật mang thông tin  **Câu 2:**  **\*** Quá trình xử lý thông tin gồm những bước:Thu nhận thông tin, lưu trữ thông tin, xử lý thông tin, truyền thông tin.  \* Các thành phần máy tính và chức năng:  + Thiết bị vào để thu nhận thông tin: bàn phím, chuột, máy quét, ….  + Thiết bị ra: Truyền hoặc chia sẻ thông tin như màn hình, máy in, …  + Bộ xử lý để xử lý thông tin bằng cách thực hiện chương trình máy tính do con người viết ra.  + Bộ nhớ để lưu trữ thông tin: Đĩa quang, đĩa từ, thẻ nhớ, USB, …  Câu 3:  1. Thông tin được biểu diễn trong máy tính bằng dãy bit. Mỗi bit là một kí hiệu 0 và 1 hay còn được gọi là số nhị phân.  - Bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin.  2.  + Văn bản, hình ảnh, âm thanh  + Bằng đơn vị Byte và các đơn vị lớn hơn:  Screenshot_37  Screenshot_36  Câu 4:  - Mạng máy tính: Hai hay nhiều máy tính và các thiết bị được kết nối để truyền thông tin cho nhau tạo thành một mạng máy tính  - Mạng máy tính gồm những thành phần: Các thiết bị đầu cuối, các thiết bị kết nối, phần mềm mạng  - Một số lợi ích của mạng máy tính : Người dùng có thể liên lạc với nhau để trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu và dùng chung các thiết bị trên mạng.  Câu 5:  - Internet là mạng liên kết các mạng máy tính trên khắp thế giới  + Trao đổi thông tin một cách nhanh chóng, hiệu quả.  + Học tập và làm việc trực tuyến  + Cung cấp nguồn tài liệu phong phú  + Cung cấp các tiện ích phục vụ đời sống  + Là phương tiện vui chơi, giải trí. |
| **C. HOẠT ĐỘNG 3 : LUYỆN TẬP (15’)**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Hệ thống lại kiến thức đã học dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm  **b. Nội dung:** Ôn tập lại kiến thức đã học  **c. Sản phẩm:** Trả lời được câu hỏi dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm  **d. Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét | |
| **Hoạt động của GV** **VÀ HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm sau:  + Câu 1: Một quyển sách A gồm 200 trang nếu lưu trữ trên đĩa chiếm khoảng 5MB. Hỏi 1 đĩa cứng 40GB thì có thể chứa khoảng bao nhiêu cuốn sách có dung lượng thông tin xấp xỉ cuốn sách A?  A. 8000 B. 8129 C. 8291 D. 8192  + Câu 2: Chọn câu đúng tron các câu sau:  A. 1MB = 1024KB  B. 1B = 1024 Bit  C. 1KB = 1024MB  D. 1Bit = 1024B  + Câu 3: Thông tin khi đưa vào máy tính, chúng đều được biến đổi thành dạng chung đó là:  A. Hình ảnh  B. Văn bản  C. Dãy bit  D. Âm thanh  **Câu 4:** Chọn phát biểu đúng trong các câu sau:  A. Một byte có 8 bits  B. RAM là bộ nhớ ngoài  C. Dữ liệu là thông tin  D. Đĩa mềm là bộ nhớ trong  **Câu 5:** 1 byte có thể biểu diễn ở bao nhiêu trạng thái khác nhau:  A. 8  B. 255  C. 256  D. 65536  **Câu 6:** Thông tin là gì?  A. Các văn bản và số liệu  B. Hiểu biết của con người về một thực thể, sự vật, khái niệm, hiện tượng nào đó  C. Văn bản, Hình ảnh, âm thanh  D. Hình ảnh, âm thanh  Câu 7: Bố trí máy tính trong mạng có thể là:   1. Đường thẳng 2. Vòng 3. Hình sao 4. **Cả A, B, C**   Câu 8. Em hãy chọn phương án đúng  Máy tính kết nối với nhau để:  A. Chia sẻ các thiết bị  B. Tiết kiệm điện  C. Trao đổi dữ liệu  D. Thuận lợi cho việc sửa chữa  Câu 9: Trong các phát biểu về mạng máy tính sau, phát biểu nào ***đúng***?  a. Mạng máy tính là các máy tính được kết nối với nhau.  **b. Mạng máy tính bao gồm: các máy tính, thiết bị mạng đảm bảo biệc kết nối, phần mềm cho phép thực hiện việc giao tiếp giửa các máy.**  c. Mạng máy tính gồm: các máy tính, dây mạng, vỉ mạng  d. Mạng máy tính gồm: các máy tính, dây mạng, vỉ mạng, hub  Câu 10: Thông tin trên Internet được tổ chức như thế nào?  a. Tương tự như thông tin trong cuốn sách  b. Thành từng văn bản rời rạc  c. Thành các trang siêu văn bản nối với nhau bởi các liên kết  d. Một cách tùy ý.  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.   |  | | --- | | Đáp án | | 1. D  2. A  3. C  4. A  5.C  6.B  7. D  8. A, C  9. B  10. C. |   GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | **\* TRẮC NGHIỆM:**  1. D  2. A  3. C  4. A  5.C  6.B  7. D  8. A, C  9. B  10. C. |
| **D. HOẠT ĐỘNG 4 : VẬN DỤNG (12’)**  **Mục tiêu hoạt động:** Biết được các kiến thức như Thông tin, Internet, thư điện tử ứng dụng trong cuộc sống hiện nay  **Nội dung:** Hệ thống các kiến thức trả lời các câu hỏi ứng dụng trong cuộc sống  **\* Sản phẩm:** các kiến thức như Thông tin, Internet, thư điện tử ứng dụng trong cuộc sống hiện nay  **\* Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV** **VÀ HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  + Câu 1: Em hãy nêu ví dụ cho thấy thông tin giúp em:  a. Có những lựa chọn cho trang phục phù hợp  b. Đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông  Câu 2: Giả sử em đi chơi xa nhà, em hãy phân tích các hoạt động xử lý thông tin liên quan đến việc lên kế hoạch cho chuyến đi?  Câu 3: Em hãy kiểm tra dung lượng đĩa cứng của máy tính em đang sử dụng?  Câu 4: Nhà bạn An có điện thoại di động của bố, của mẹ và một máy tính xách tay đang cùng truy cập vào mạng Internet. Theo em, các thiết bị đó có đang được kết nối thành một mạng máy tính không? Nếu có, em hãy chỉ ra thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối.  Câu 5: Em hãy giải thích tại sao Internet lại sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển?  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Câu 1:  a. Có những lựa chọn cho trang phục phù hợp  – Theo thời tiết: trang phục mùa hạ, trang phục mùa đông.  – Theo công dụng: trang phục mặc lót, thường ngày, lễ hội, đồng phục, bảo hộ lao động.  – Theo lứa tuổi: trang phục trẻ em, người lớn, …  – Theo giới tính: trang phục nam, nữ.  b. Đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông:  Chấp hành đúng quy định của các biển hiệu khi đi đường.  - Lái xe an toàn, phù hợp với lứa tuổi.  - Đảm bảo đúng tốc độ.  - Nêu cao ý thức nhường đường, rẽ trái, rẽ phải… đúng quy định.  - Rèn luyện tính kiến nhẫn, chờ đợi khi gặp đèn tín hiệu giao thông hay tắc đường.  - Không gây mất trật tự khi tham gia giao thông. - Phải đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe gắng máy,mô tô,...  - Biết nhường đường cho người khác,rẽ trái,rẽ phải - Chờ đợi khi gặp đường tín hiệu giao thông  - Giúp đỡ người khác khi họ bị nạn  - Luôn luôn chấp hành đúng quy định giao thông,.. - Tuyên truyền vận động người thân và bạn bè thực hiện nghiêm chỉnh khi tham gia giao thông.  Câu 2: Trả lời theo ý hiểu  Câu 3: Trả lời theo ý hiểu  Câu 4:  + Các thiết bị đó có đang được kết nối thành một mạng máy tính  + Thiết bị đầu cuối: máy tính xách tay  + Thiết bị kết nối: Bộ định tuyến (wifi).  Câu 5: Bởi vì :  + Internet làm cho việc ứng dụng tin học ngày càng phổ biến, đa dạng và phát triển như điều khiển từ xa, chế tạo tên lửa, chữa bệnh, đào tạo từ xa, …  + Thúc đẩy việc truyền bá thông tin và tri thức.  + Giúp tăng hiệu quả sản xuất, cung cấp dịch vụ và quản lý.  + Thay đổi nhận thức, cách thức tổ chức, vận hành các hoạt động của xã hội cũng như thay đổi phong cách sống của con người.  + Giúp thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ các lĩnh vực khoa học công nghệ cũng như khoa học xã hội.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | + Câu 1: Em hãy nêu ví dụ cho thấy thông tin giúp em:  a. Có những lựa chọn cho trang phục phù hợp  b. Đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông  Câu 2: Giả sử em đi chơi xa nhà, em hãy phân tích các hoạt động xử lý thông tin liên quan đến việc lên kế hoạch cho chuyến đi?  Câu 3: Em hãy kiểm tra dung lượng đĩa cứng của máy tính em đang sử dụng?  Câu 4: Nhà bạn An có điện thoại di động của bố, của mẹ và một máy tính xách tay đang cùng truy cập vào mạng Internet. Theo em, các thiết bị đó có đang được kết nối thành một mạng máy tính không? Nếu có, em hãy chỉ ra thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối.  Câu 5: Em hãy giải thích tại sao Internet lại sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển? |

Ngày soạn:

**KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**

**I. MỤC TIÊU: Phạm Huy**

***1.******Kiến thức:***Củng cố các kiến thức đã học, giúp học sinh hệ thống lại kiến thức đã học từ đầu năm đến nay.

**2.Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung:**

Thực hiện tiết ôn tập này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

**Năng lực tự chủ, tự học**: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận

**Năng lực giao tiếp và hợp tác**: Học sinh hoạt động cá nhân để làm bài kiểm tra trả lời câu hỏi dưới dạng trắc nghiệm và tự luận.

**Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Học sinh trả lời các câu hỏi vận dụng.

**2.2. Năng lực Tin học:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

**Năng lực A (NLa):**

– *Sử dụng* được các thiết bị vào của máy tính để phân biệt được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu, vật mang thông tin và mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu.

– *Sử dụng* được các thiết bị vào của máy tính để thu nhận thông tin.

– *Sử dụng* được máy tính để biết cách mã hóa thông tin, xem được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng.

**-** Biết đượcnhững thành phần chính của một mạng máy tính

- Biết được lợi ích Internet trong cuộc sống hằng ngày.

**Năng lực C (NLc):** Hệ thống lại kiến thức từ đầu năm học đến nay

**Năng lực D (NLd):**

–*Sử dụng* máy tính:

+ Xem dung lượng của bộ nhớ như đĩa cứng, USB, CD/DVD, …

+ Để kết nối các kiểu kết nối mạng Internet như hình vòng, hình sao.

+ Biết các lợi ích mà Internet đem lại đối với bản thân.

+ Tìm kiếm thông tin cần thiết trên mạng Internet.

**3.Về phẩm chất:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái:Thể hiện sự cảm thông và sẳn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu

**2. Học liệu:**

- GV: Ra đề và đáp án, đánh máy, in ấn.

- Học sinh: Ôn tập kỹ các bài đã học qua các chủ đề

**III. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức :**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết | Ngày dạy | Sĩ số | Ghi chú |
| 6A1 |  |  |  |  |
| 6A2 |  |  |  |  |
| 6A3 |  |  |  |  |
| 6A4 |  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** không

**3. Giảng bài mới:**

1. Ma trận đề 1:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức 1 Phạm Huy** | **Mức 2** | **Mức 3** | **Mức 4** |
| **Bài 1. Xử lý thông tin** | Biết khái niệm thông tin | Phân biệt sự khác nhau giữa thông tin, dữ liệu và vật mang thông tin | Vận dụng cho ví dụ minh họa |  |
| **Số câu:**  **Hình thức:**  **Tổng điểm** | Câu: 1  Hình thức: TN  Điểm: 0.5 | Câu: 1  Hình thức: TL  Điểm: 1.5 | Câu: 1  Hình thức: TL  Điểm: 1.5 |  |
| **Bài 2. Xử lý thông tin** | Biết được các bước xử lý thông tin | Hiểu được các thành phần của hoạt động xử lý thông tin |  |  |
| **Số câu:**  **Hình thức:**  **Tổng điểm:** | Câu: 1  Hình thức: TN  Điểm: 0.5 | Câu: 1  Hình thức: TN  Điểm: 0.5 |  |  |
| **Bài 3. Thông tin trong máy tính** | Biết được dạng biến đổi thông tin khi đưa vào trong máy tính | Diễn tả được thông tin trong máy tính được biểu diễn thành dãy bit | Vận dụng kiến thức đã học tính chia được dung lượng đĩa cứng |  |
| **Số câu:**  **Hình thức:**  **Tổng điểm** | Câu: 1  Hình thức: TN  Điểm: 0.5 | Câu: 1  Hình thức: TL  Điểm: 1.5 | Câu: 1  Hình thức: TN  Điểm: 0.5 |  |
| **Bài 4. Mạng máy tính** | Biết khái niệm mạng máy tính | Hiểu được cách bố trí trong mạng |  |  |
| **Số câu:**  **Hình thức:**  **Tổng điểm** | Câu: 1  Hình thức: TN  Điểm: 0.5 | Câu: 1  Hình thức: TN  Điểm: 0.5 |  |  |
| **Bài 5. Internet** | Biết cách tổ chức thông tin trên Internet |  |  | Giải thích được Internet lại sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển |
| **Số câu:**  **Hình thức:**  **Tổng điểm** | Câu: 1  Hình thức: TN  Điểm: 0.5 |  |  | Câu: 1  Hình thức: TL  Điểm: 1.5 |
| **Tổng số câu:**  **Tổng tỉ lệ: 100%** | **Tổng số câu :**  **5 TN**  **Tổng tỉ lệ: 25%** | **Tổng số câu :**  **2 TN+ 2 TL**  **Tổng tỉ lệ: 40%** | **Tổng số câu :**  **1 TN+ 1 TL**  **Tổng tỉ lệ: 20%** | **Tổng số câu :**  **1 TL**  **Tổng tỉ lệ: 15%** |

1. Ma trận đề 2:

| **Caáp ñoä**  **Teân chuû ñeà** | **Nhaän bieát Phạm Huy** | | **Thoâng hieåu** | | **Vaän duïng** | | | | **Cộng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Caáp ñoä thaáp** | | **Caáp ñoä cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **CHỦ ĐỀ 1: MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG** | - Biết khái niệm thông tin  - Biết được các bước xử lý thông tin  - Biết được dạng biến đổi thông tin khi đưa vào trong máy tính | - Diễn tả được thông tin trong máy tính được biểu diễn thành dãy bit | Hiểu được các thành phần của hoạt động xử lý thông tin | Phân biệt sự khác nhau giữa thông tin, dữ liệu và vật mang thông tin | Vận dụng kiến thức đã học tính chia được dung lượng đĩa cứng | Vận dụng cho ví dụ minh họa |  |  |  |
| **Soá caâu:**  **Soá ñieåm:**  **Tæ leä %:** | **3 câu**  **1, 5 điểm**  **15%** | **1 câu**  **1,5 điểm**  **15%** | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5%** | **0,5 câu**  **1,5 điểm**  **15%** | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5%** | **0,5 câu**  **1,5 điểm**  **15%** |  |  | **7 câu**  **7,0 điểm**  **70%** |
| **CHỦ ĐỀ 2: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET** | - Biết khái niệm mạng máy tính |  | Hiểu được cách bố trí trong mạng  - Hiểu được cách tổ chức thông tin trên Internet |  |  |  |  | Giải thích được Internet lại sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển |  |
| **Soá caâu:**  **Soá ñieåm:**  **Tæ leä %:** | **1 câu**  **0,5 điểm**  **5%** |  | **2 câu**  **1,0 điểm**  **10%** |  |  |  |  | **1 câu**  **1,5 điểm**  **15%** | **4câu**  **3,0 điểm**  **30%** |
| **Toång soá caâu:** | **5** | | **3,5** | | **2** | | **0,5** | | **11** |
| **Toång soá ñieåm:**  **Tæ leä %** | **3, 5 điểm**  **35 %** | | **3,0 điểm**  **30 %** | | **2,0 điểm**  **20 %** | | **1,5 điểm**  **15 %** | | **10 điểm**  **100%** |

**A. TRẮC NGHIỆM:(4 điểm)**

**Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu em cho là đúng Phạm Huy**

Câu 1: Thông tin là gì?

A. Các văn bản và số liệu

B. Những gì đem lại hiểu biết cho con người về thế giới xung quanh và về chính bản thân mình.

C. Văn bản, Hình ảnh, âm thanh

D. Hình ảnh, âm thanh, tệp tin

Câu 2: Thứ tự các hoạt động của quá trình xử lý thông tin bao gồm những gì?

A. Thu nhận, lưu trữ, xử lý và truyển thông tin

B. Thu nhận, xử lý, lưu trữ và truyển thông tin

C. Thu nhận, xử lý, truyển thông tin và lưu trữa

D. Xử lý, thu nhận, lưu trữ và truyển thông tin

Câu 3: Máy tính gồm có bao nhiêu thành phần thực hiện các hoạt động xử lý thông tin

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 4: Thông tin khi đưa vào máy tính, chúng đều được biến đổi thành dạng chung đó là:

A. Dãy bit B. Văn bản C. Hình ảnh D. Âm thanh

Câu 5: Một quyển sách A gồm 200 trang nếu lưu trữ trên đĩa chiếm khoảng 5MB. Hỏi 1 đĩa cứng 40GB thì có thể chứa khoảng bao nhiêu cuốn sách có dung lượng thông tin xấp xỉ cuốn sách A?

A. 8000 B. 8129 C. 8291 D. 8192

Câu 6: Bố trí máy tính trong mạng có thể là:

A. Đường thẳng B. Vòng C. Hình sao D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 7: Trong các phát biểu về mạng máy tính sau, phát biểu nào ***đúng***?

A. Mạng máy tính là các máy tính được kết nối với nhau.

B. Mạng máy tính bao gồm: các máy tính, thiết bị mạng đảm bảo biệc kết nối, phần mềm cho phép thực hiện việc giao tiếp giửa các máy.

C. Mạng máy tính gồm: các máy tính, dây mạng, vỉ mạng

D. Mạng máy tính gồm: các máy tính, dây mạng, vỉ mạng, hub

Câu 8: Thông tin trên Internet được tổ chức như thế nào?

A. Tương tự như thông tin trong cuốn sách

B. Thành từng văn bản rời rạc

C. Thành các trang siêu văn bản nối với nhau bởi các liên kết

D. Một cách tùy ý.

**B. TỰ LUẬN: (6,0 điểm)**

**Câu 1:** (3,0 điểm) Phân biệt sự khác nhau giữa thông tin, dữ liệu và vật mang thông tin? Cho ví dụ minh họa?

Câu 2: (1,5 điểm) Theo em, tại sao thông tin trong máy tính được biểu diễn thành dãy bit?

Câu 3: (1,5 điểm) Em hãy giải thích tại sao Internet lại sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển?

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)**  Đúng mỗi câu 0,5 điểm, sai ghi 0 điểm.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | Đáp án | B | A | C | A | D | D | B | C |   **Giải thích câu 5:**  40(GB)=40.1024=40960(MB)  Vậy thì đĩa cứng 40GB có thể chứa được 40960:5=8192 (cuốn sách) có dung lượng thông tin xấp xỉ như cuốn sách A. | | |
| **PHẦN II : TỰ LUẬN (6,0 điểm)** | | |
| **Câu** | **Nội dung đáp án Phạm Huy** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1:**  *3,0 điểm* | - Thông tin là những gì đem lại hiểu biết cho con người về thế giới xung quanh và về chính bản thân mình.  - Dữ liệu được thể hiện dưới dạng những con số, văn bản, hình ảnh và âm thanh.  - Vật mang thông tin là phương tiện được dùng để lưu trữ và truyền tải thông tin | *1,5 điểm* |
| \* Ví dụ: Cho tấm bảng sau  Screenshot_1  + Hình ảnh trên có chữ, số: Dữ liệu  + Đi đến địa điểm du lịch: Thông tin  + Tấm bảng: Vật mang thông tin | *1,5 điểm* |
| **Câu 2:**  *1,5 điểm* | + Máy tính không hiểu ngôn ngữ tự nhiên nên không thể hiểu trực tiếp ngôn ngữ của con người.  + Máy tính gồm các mạch điện tử chỉ gồm 2 trạng thái là đóng mạch và ngắt mạch.   + Chỉ cần dùng 2 kí hiệu là 0 và 1 người ta có thể biểu diễn mọi thông tin trong máy tính, phù hợp với tính chất có 2 trạng thái của các mạch điện tử trong máy tính. | *0,5 điểm*  *0,5 điểm*  *0,5 điểm* |
| **Câu 3:**  *1,5 điểm* | Internet lại sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển bởi vì :  + Internet làm cho việc ứng dụng tin học ngày càng phổ biến, đa dạng và phát triển như điều khiển từ xa, chế tạo tên lửa, chữa bệnh, đào tạo từ xa, …  + Thúc đẩy việc truyền bá thông tin và tri thức.  + Giúp tăng hiệu quả sản xuất, cung cấp dịch vụ và quản lý.  + Thay đổi nhận thức, cách thức tổ chức, vận hành các hoạt động của xã hội cũng như thay đổi phong cách sống của con người.  + Giúp thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ các lĩnh vực khoa học công nghệ cũng như khoa học xã hội. | *0,5 điểm*  *0,25điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,5 điểm* |

**4. Củng cố:**

- Giáo viên thu bài nhắc nhở.

- Nhận xét ý thức của HS qua tiết kiểm tra.

**5. Hướng dẫn về nhà**

- Học bài cũ và ôn lại bài mới

- Về nhà đọc trước **CHỦ ĐỀ 3: TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN “BÀI 6: MẠNG THÔNG TIN TOÀN CẦU”**

Ngày soạn:

**ÔN TẬP HỌC KỲ I**

**I. MỤC TIÊU: Minh Huy**

***1.******Kiến thức:***Củng cố các kiến thức đã học, giúp học sinh hệ thống lại kiến thức đã học từ đầu năm đến nay.

**2.Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

Thực hiện tiết ôn tập này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

**Năng lực tự chủ, tự học**: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận

**Năng lực giao tiếp và hợp tác**: Học sinh thảo luận nhóm để để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận.

**Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về các kiến thức đã học từ đầu năm học đến nay qua các bài đã học.

**2.2. Năng lực Tin học**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

**Năng lực A (NLa):** Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

**Năng lực C (NLc):** Hệ thống lại kiến thức từ đầu năm học đến nay

**Năng lực D (NLd):**

–*Sử dụng* máy tính:

+ Xem dung lượng của bộ nhớ như đĩa cứng, USB, CD/DVD, …

+ Để kết nối các kiểu kết nối mạng Internet như hình vòng, hình sao.

+ Biết các lợi ích mà Internet đem lại đối với bản thân.

+ Thực hiện được việc tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet

+ Tạo được tài khoản thư điện tử

**Năng lực E (NLe):**

**-** Năng lực hợp tác trong môi trường số.

**3.Về phẩm chất:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái:Thể hiện sự cảm thông và sẳn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, …

**2. Học liệu:**

- GV: SGK, SBT, tài liệu tham khảo

- HS: SGK, bảng nhóm, bút lông, bút dạ, phấn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU :**  **a. Mục tiêu hoạt động :**  - Biết phân biệt được thông tin và dữ liệu, cho ví dụ minh họa.  **b. Nội dung :** Em hãy phân biệt sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu ? cho ví dụ minh họa ?  **c. Sản phẩm:** phân biệt được thông tin và dữ liệu, cho ví dụ minh họa.  **d. Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét | |
| **Hoạt động của GV** VÀ **HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Minh Huy**  Hoạt động nhóm thảo luận trả lời câu hỏi: Em hãy phân biệt sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu ? Cho ví dụ minh họa ?  **- Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  + Các nhóm thảo luận bài tập và câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên.  **- Báo cáo kết quả thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình thông qua gv yêu cầu.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận:**  + Sau khi thực hiện xong bài tập Giáo viên nhận xét đánh giá tinh thần, thái độ học tập và kết quả học sinh đã báo cáo. Từ đó hướng hướng học sinh nghiên cứu, tìm hiểu nội dung cho hoạt động hình thành kiên thức mới. | **Câu hỏi:** Em hãy phân biệt sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu ? Cho ví dụ minh họa ? |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (60 phút)**  **Hoạt động : ÔN TẬP LÝ THUYẾT**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Hệ thống lại kiến thức từ đầu năm học đến nay  **b. Nội dung: ÔN TẬP LÝ THUYẾT**  **c. Sản phẩm:** kiến thức từ đầu năm học đến nay  **d.Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét | |
| **Hoạt động của GV** VÀ **HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  Câu 1: Thông tin là gì? Dữ liệu là gì? Vật mang thông tin là gì? Cho ví dụ minh họa?  Screenshot_1  Câu 2: Quá trình xử lý thông tin gồm những bước nào? Máy tính gồm những thành phần nào? Và chức năng của các thành phần đó?  Câu 3:  1. Thông tin trong máy tính được biểu diễn dưới dạng nào? Bit là gì?  2. Thông tin trong máy tính thường được tổ chức dưới dạng nào? Trong thực tế, người ta thường đo thông tin bằng đơn vị nào?  Câu 4: Mạng máy tính là gì? Một mạng máy tính gồm những thành phần nào? Em hãy nêu một số lợi ích của mạng máy tính?  Câu 5: Em hiểu Internet là gì? Internet có những lợi ích gì?  Câu 6: Trình duyệt Web là gì? Em hãy nêu một số trình duyệt em biết? Để truy cập vào một trang web nào đó em thực hiện như thế nào? Cho ví dụ minh họa?  Câu 7: Em biết gì về máy tìm kiếm? Sử dụng máy tìm kiếm để tìm kiếm thông tin em thấy có những thuận lợi và khó khăn gì?  Câu 8: Thư điện tử là gì? Thư điện tử có dạng như thế nào? Giải thích?  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  \* Câu 1:  - Thông tin là những gì đem lại hiểu biết cho con người về thế giới xung quanh và về chính bản thân mình.  - Dữ liệu được thể hiện dưới dạng những con số, văn bản, hình ảnh và âm thanh.  - Vật mang thông tin là phương tiện được dùng để lưu trữ và truyền tải thông tin  \* Ví dụ:  + Hình ảnh trên có chữ, số: Dữ liệu  + Đi đến địa điểm du lịch: Thông tin  + Tấm bảng: Vật mang thông tin  Câu 2:  - Thu nhận thông tin, lưu trữ thông tin, xử lý thông tin, truyền thông tin.  + Thiết bị vào để thu nhận thông tin: bàn phím, chuột, máy quét, ….  + Thiết bị ra: Truyền hoặc chia sẻ thông tin như màn hình, máy in, …  + Bộ xử lý để xử lý thông tin bằng cách thực hiện chương trình máy tính do con người viết ra.  + Bộ nhớ để lưu trữ thông tin: Đĩa quang, đĩa từ, thẻ nhớ, USB, …  Câu 3:  1. Thông tin được biểu diễn trong máy tính bằng dãy bit. Mỗi bit là một kí hiệu 0 và 1 hay còn được gọi là số nhị phân.  - Bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin.  2.  + Văn bản, hình ảnh, âm thanh  + Bằng đơn vị Byte và các đơn vị lớn hơn:  Screenshot_37  Screenshot_36  Câu 4:  - Mạng máy tính: Hai hay nhiều máy tính và các thiết bị được kết nối để truyền thông tin cho nhau tạo thành một mạng máy tính  - Mạng máy tính gồm những thành phần: Các thiết bị đầu cuối, các thiết bị kết nối, phần mềm mạng  - Một số lợi ích của mạng máy tính : Người dùng có thể liên lạc với nhau để trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu và dùng chung các thiết bị trên mạng.  Câu 5:  - Internet là mạng liên kết các mạng máy tính trên khắp thế giới  + Trao đổi thông tin một cách nhanh chóng, hiệu quả.  + Học tập và làm việc trực tuyến  + Cung cấp nguồn tài liệu phong phú  + Cung cấp các tiện ích phục vụ đời sống  + Là phương tiện vui chơi, giải trí.  Câu 6:  **-** Trình duyệt Web là phần mềm ứng dụng giúp người dùng giao tiếp với hệ thống WWW: truy cập các trang web và khai thác tài nguyên trên Internet  **-** Một số trình duyệt Web: Cốc cốc, Chorne, Firefox,…  **-** Để truy cập một trang web, em thực hiện như sau:  + B1: Nháy đúp chuột vào biểu tượng trình duyệt  + B2: Nhập địa chỉ của trang Web vào ô địa chỉ  Ví dụ: [www.thanhnien.com.vn](http://www.thanhnien.com.vn)  + B3. Nhấn Enter  Câu 7:  - Máy tìm kiếm là một website đặc biệt, giúp người sử dụng tìm kiếm thông tin trên Internet một cách nhanh chóng, hiệu quả thông qua các từ khóa.  - Kết quả tìm kiếm là danh sách các liên kết: Các liên kết có thể là văn bản, hình ảnh, âm thanh hoặc video.  - Từ khóa tìm kiếm rất quan trọng. Lựa chọn từ khóa phù hợp sẽ giúp tìm kiếm thông tin nhanh và chính xác  Câu 8:  + Thư điện tử là thư được gửi và nhận bằng phương tiện điện tử  + Địa chỉ thư điện tử có dạng:  <Tên đăng nhập>@<Địa chỉ máy chủ thư điện tử>  Trong đó:  \* Tên đăng nhập: Người sử dụng tự chọn khi đăng ký  \* Địa chỉ máy chủ thư điện tử: Do nhà cung cấp dịch vụ quy định.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | **ÔN TẬP LÝ THUYẾT:**  **Câu 1:**  - Thông tin là những gì đem lại hiểu biết cho con người về thế giới xung quanh và về chính bản thân mình.  - Dữ liệu được thể hiện dưới dạng những con số, văn bản, hình ảnh và âm thanh.  - Vật mang thông tin là phương tiện được dùng để lưu trữ và truyền tải thông tin  \* Ví dụ:  + Hình ảnh trên có chữ, số: Dữ liệu  + Đi đến địa điểm du lịch: Thông tin  + Tấm bảng: Vật mang thông tin  **Câu 2:**  **\*** Quá trình xử lý thông tin gồm những bước:Thu nhận thông tin, lưu trữ thông tin, xử lý thông tin, truyền thông tin.  \* Các thành phần máy tính và chức năng:  + Thiết bị vào để thu nhận thông tin: bàn phím, chuột, máy quét, ….  + Thiết bị ra: Truyền hoặc chia sẻ thông tin như màn hình, máy in, …  + Bộ xử lý để xử lý thông tin bằng cách thực hiện chương trình máy tính do con người viết ra.  + Bộ nhớ để lưu trữ thông tin: Đĩa quang, đĩa từ, thẻ nhớ, USB, …  Câu 3:  1. Thông tin được biểu diễn trong máy tính bằng dãy bit. Mỗi bit là một kí hiệu 0 và 1 hay còn được gọi là số nhị phân.  - Bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin.  2.  + Văn bản, hình ảnh, âm thanh  + Bằng đơn vị Byte và các đơn vị lớn hơn:  Screenshot_37  Screenshot_36  Câu 4:  - Mạng máy tính: Hai hay nhiều máy tính và các thiết bị được kết nối để truyền thông tin cho nhau tạo thành một mạng máy tính  - Mạng máy tính gồm những thành phần: Các thiết bị đầu cuối, các thiết bị kết nối, phần mềm mạng  - Một số lợi ích của mạng máy tính : Người dùng có thể liên lạc với nhau để trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu và dùng chung các thiết bị trên mạng.  Câu 5:  - Internet là mạng liên kết các mạng máy tính trên khắp thế giới  + Trao đổi thông tin một cách nhanh chóng, hiệu quả.  + Học tập và làm việc trực tuyến  + Cung cấp nguồn tài liệu phong phú  + Cung cấp các tiện ích phục vụ đời sống  + Là phương tiện vui chơi, giải trí.  Câu 6:  **-** Trình duyệt Web là phần mềm ứng dụng giúp người dùng giao tiếp với hệ thống WWW: truy cập các trang web và khai thác tài nguyên trên Internet  **-** Một số trình duyệt Web: Cốc cốc, Chorne, Firefox,…  **-** Để truy cập một trang web, em thực hiện như sau:  + B1: Nháy đúp chuột vào biểu tượng trình duyệt  + B2: Nhập địa chỉ của trang Web vào ô địa chỉ  Ví dụ: [www.thanhnien.com.vn](http://www.thanhnien.com.vn)  + B3. Nhấn Enter  Câu 7:  - Máy tìm kiếm là một website đặc biệt, giúp người sử dụng tìm kiếm thông tin trên Internet một cách nhanh chóng, hiệu quả thông qua các từ khóa.  - Kết quả tìm kiếm là danh sách các liên kết: Các liên kết có thể là văn bản, hình ảnh, âm thanh hoặc video.  - Từ khóa tìm kiếm rất quan trọng. Lựa chọn từ khóa phù hợp sẽ giúp tìm kiếm thông tin nhanh và chính xác  Câu 8:  + Thư điện tử là thư được gửi và nhận bằng phương tiện điện tử  + Địa chỉ thư điện tử có dạng:  <Tên đăng nhập>@<Địa chỉ máy chủ thư điện tử>  Trong đó:  \* Tên đăng nhập: Người sử dụng tự chọn khi đăng ký  \* Địa chỉ máy chủ thư điện tử: Do nhà cung cấp dịch vụ quy định. |
| **C. HOẠT ĐỘNG 3 : LUYỆN TẬP (15’)**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Hệ thống lại kiến thức đã học dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm  **b. Nội dung:** Ôn tập lại kiến thức đã học  **c. Sản phẩm:** Trả lời được câu hỏi dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm  **d. Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét | |
| **Hoạt động của GV** **VÀ HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm sau:  + Câu 1: Một quyển sách A gồm 200 trang nếu lưu trữ trên đĩa chiếm khoảng 5MB. Hỏi 1 đĩa cứng 40GB thì có thể chứa khoảng bao nhiêu cuốn sách có dung lượng thông tin xấp xỉ cuốn sách A?  A. 8000 B. 8129 C. 8291 D. 8192  + Câu 2: Chọn câu đúng tron các câu sau:  A. 1MB = 1024KB  B. 1B = 1024 Bit  C. 1KB = 1024MB  D. 1Bit = 1024B  + Câu 3: Thông tin khi đưa vào máy tính, chúng đều được biến đổi thành dạng chung đó là:  A. Hình ảnh  B. Văn bản  C. Dãy bit  D. Âm thanh  **Câu 4:** Chọn phát biểu đúng trong các câu sau:  A. Một byte có 8 bits  B. RAM là bộ nhớ ngoài  C. Dữ liệu là thông tin  D. Đĩa mềm là bộ nhớ trong  **Câu 5:** 1 byte có thể biểu diễn ở bao nhiêu trạng thái khác nhau:  A. 8  B. 255  C. 256  D. 65536  **Câu 6:** Thông tin là gì?  A. Các văn bản và số liệu  B. Hiểu biết của con người về một thực thể, sự vật, khái niệm, hiện tượng nào đó  C. Văn bản, Hình ảnh, âm thanh  D. Hình ảnh, âm thanh  Câu 7: Bố trí máy tính trong mạng có thể là:   1. Đường thẳng 2. Vòng 3. Hình sao 4. **Cả A, B, C**   Câu 8. Em hãy chọn phương án đúng  Máy tính kết nối với nhau để:  A. Chia sẻ các thiết bị  B. Tiết kiệm điện  C. Trao đổi dữ liệu  D. Thuận lợi cho việc sửa chữa  Câu 9: Trong các phát biểu về mạng máy tính sau, phát biểu nào ***đúng***?  a. Mạng máy tính là các máy tính được kết nối với nhau.  **b. Mạng máy tính bao gồm: các máy tính, thiết bị mạng đảm bảo biệc kết nối, phần mềm cho phép thực hiện việc giao tiếp giửa các máy.**  c. Mạng máy tính gồm: các máy tính, dây mạng, vỉ mạng  d. Mạng máy tính gồm: các máy tính, dây mạng, vỉ mạng, hub  Câu 10: Thông tin trên Internet được tổ chức như thế nào?  a. Tương tự như thông tin trong cuốn sách  b. Thành từng văn bản rời rạc  c. Thành các trang siêu văn bản nối với nhau bởi các liên kết  d. Một cách tùy ý.  **Câu 11:** Dữ liệu nào sau đây có thể được tích hợp trong siêu văn bản?  A. Văn bản, hình ảnh;  B. Siêu liên kết;  C. Âm thanh, phim Video;  D. Tất cảc đều đúng.  **Câu 12:** Trang web hiển thị đầu tiên khi truy cập vào website là:  A.Một trang liên kết  B. Một website  C. Trang chủ  D. Trang web google.com  **Câu 13:**Máy tìm kiếm dùng để làm gì?  A. Đọc thư điện thư điện tử  B. Truy cập vào website  C. Tìm kiếm thông tin trên mạng  D. Tất cả đều sai  **Câu 14:** Phần mềm trình duyệt Web dùng để:  A. Gửi thư điện tử  B. Truy cập mạng LAN  C. Truy cập vào trang Web  D. Tất cả đều sai  **Câu 15:** Sắp xếp các thứ tự sau theo một trình tự hợp lí để thực hiện thao tác tìm kiếm thông tin trên máy tìm kiếm:  1. Gõ từ khóa vào ô để nhập từ khóa  2. Truy cập vào máy tìm kiếm  3. Nhấn phím Enter hoặc nháy nút tìm kiếm. Kết quả tìm kiếm sẽ được liệt kê dưới dạng danh sách liên kết  A. 1-2-3  B. 2-1-3  C. 1-3-2  D. 2-3-1  **Câu 16:** Một số trình duyệt web phổ biến hiện nay:  A. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox), Word, Excel,…  B. Google chorne, cốc cốc, Mozilla Firefox, UC Browse, …  C. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox),Word,…  D. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox), yahoo, google,…  **Câu 17:** Thư điện tử có ưu điểm gì so với thư truyền thống :  A. Thời gian gửi nhanh  B. Có thể gửi đồng thời cho nhiều người  C. Chi phí thấp  D. Tất cả các ưu điểm trên.  **Câu 18:** Trình bày cú pháp địa chỉ thư điện tử tổng quát:  A. < lop9b > @ < yahoo.com >  B. < Tên đăng nhập > @ < Tên máy chủ lưu hộp thư >  C.< Tên đăng nhập > @ < gmail.com >  D.< Tên đăng nhập >@ < gmail.com.vn >  **Câu 19:** Với thư điện tử, phát biểu nào sau đây là sai?  A. Hai người có thể có địa chỉ thư giống nhau, ví dụ hoahong@yahoo.com  B. Tệp tin đính kèm theo thư có thể chứa virút, vậy nên cần kiểm tra virút trước khi sử dụng  C. Một người có thể gửi thư cho chính mình, nhiều lần  D. Có thể gửi 1 thư đến 10 địa chỉ khác nhau  **Câu 20:** Để tạo một hộp thư điện tử mới:  A. Người sử dụng phải có sự cho phép của cơ quan quản lý dịch vụ Ineternet  B. Người sử dụng phải có ít nhất một địa chỉ Website  C. Người sử dụng không thể tạo cho mình một hộp thư mới  D. Người sử dụng có thể đăng ký qua các nhà cung cấp dịch vụ Internet hoặc thông qua các địa chỉ Website miễn phí trên Internet tại bất kỳ đâu trên thế giới  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.   |  |  | | --- | --- | | Đáp án | Đáp án | | 1. D  2. A  3. C  4. A  5.C  6.B  7. D  8. A, C  9. B  10. C. | 11. D  12. C  13.C  14. C  15. B  16. B  17. D  18. B  19.A  20. D |   GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | **\* TRẮC NGHIỆM:**  1. D  2. A  3. C  4. A  5.C  6.B  7. D  8. A, C  9. B  10. C.  11. D  12. C  13.C  14. C  15. B  16. B  17. D  18. B  19.A  20. D |
| **D. HOẠT ĐỘNG 4 : VẬN DỤNG (12’)**  **Mục tiêu hoạt động:** Biết được các kiến thức như Thông tin, Internet, thư điện tử ứng dụng trong cuộc sống hiện nay  **Nội dung:** Hệ thống các kiến thức trả lời các câu hỏi ứng dụng trong cuộc sống  **\* Sản phẩm:** các kiến thức như Thông tin, Internet, thư điện tử ứng dụng trong cuộc sống hiện nay  **\* Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV** **VÀ HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  + Câu 1: Em hãy nêu ví dụ cho thấy thông tin giúp em:  a. Có những lựa chọn cho trang phục phù hợp  b. Đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông  Câu 2: Giả sử em đi chơi xa nhà, em hãy phân tích các hoạt động xử lý thông tin liên quan đến việc lên kế hoạch cho chuyến đi?  Câu 3: Em hãy kiểm tra dung lượng đĩa cứng của máy tính em đang sử dụng?  Câu 4: Nhà bạn An có điện thoại di động của bố, của mẹ và một máy tính xách tay đang cùng truy cập vào mạng Internet. Theo em, các thiết bị đó có đang được kết nối thành một mạng máy tính không? Nếu có, em hãy chỉ ra thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối.  Câu 5: Em hãy giải thích tại sao Internet lại sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển?  Câu 6: Có điểm gì khác nhau giữa các tổ chức thông tin trong cuốn sách với cách tổ chức thông tin trên Internet?  Câu 7: Em hãy tìm hiểu về thông tin Văn Miếu – Quốc Tử Giám trên mạng Internet?  Câu 8: Em hãy soạn một thư điện tử gửi kèm ảnh ( hoặc tệp văn bản, thiệp chúc mừng, …) cho bạn hoặc người thân của em.  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Câu 1:  a. Có những lựa chọn cho trang phục phù hợp  – Theo thời tiết: trang phục mùa hạ, trang phục mùa đông.  – Theo công dụng: trang phục mặc lót, thường ngày, lễ hội, đồng phục, bảo hộ lao động.  – Theo lứa tuổi: trang phục trẻ em, người lớn, …  – Theo giới tính: trang phục nam, nữ.  b. Đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông:  Chấp hành đúng quy định của các biển hiệu khi đi đường.  - Lái xe an toàn, phù hợp với lứa tuổi.  - Đảm bảo đúng tốc độ.  - Nêu cao ý thức nhường đường, rẽ trái, rẽ phải… đúng quy định.  - Rèn luyện tính kiến nhẫn, chờ đợi khi gặp đèn tín hiệu giao thông hay tắc đường.  - Không gây mất trật tự khi tham gia giao thông. - Phải đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe gắng máy,mô tô,...  - Biết nhường đường cho người khác,rẽ trái,rẽ phải - Chờ đợi khi gặp đường tín hiệu giao thông  - Giúp đỡ người khác khi họ bị nạn  - Luôn luôn chấp hành đúng quy định giao thông,.. - Tuyên truyền vận động người thân và bạn bè thực hiện nghiêm chỉnh khi tham gia giao thông.  Câu 2: Trả lời theo ý hiểu  Câu 3: Trả lời theo ý hiểu  Câu 4:  + Các thiết bị đó có đang được kết nối thành một mạng máy tính  + Thiết bị đầu cuối: máy tính xách tay  + Thiết bị kết nối: Bộ định tuyến (wifi).  Câu 5: Bởi vì :  + Internet làm cho việc ứng dụng tin học ngày càng phổ biến, đa dạng và phát triển như điều khiển từ xa, chế tạo tên lửa, chữa bệnh, đào tạo từ xa, …  + Thúc đẩy việc truyền bá thông tin và tri thức.  + Giúp tăng hiệu quả sản xuất, cung cấp dịch vụ và quản lý.  + Thay đổi nhận thức, cách thức tổ chức, vận hành các hoạt động của xã hội cũng như thay đổi phong cách sống của con người.  + Giúp thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ các lĩnh vực khoa học công nghệ cũng như khoa học xã hội.  Câu 6: - Tổ chức thông tin trong cuốn sách:  Tên, tên gốc, hình, hình chú thích, tác giả, minh họa, minh họa bìa, nước, ngôn ngữ, bộ sách, chủ đề, thể loại, NXB, ngày phát hành, kiểu sách, số trang, người dịch, cuốn trước, cuốn sau, phát hành tại….  - Tổ chức thông tin trên Internet: Siêu văn bản và trang web, website, địa chỉ website và trang chủ.  Câu 7: Trả lời theo ý hiểu  Câu 8: Soạn thư điện tử  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | + Câu 1: Em hãy nêu ví dụ cho thấy thông tin giúp em:  a. Có những lựa chọn cho trang phục phù hợp  b. Đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông  Câu 2: Giả sử em đi chơi xa nhà, em hãy phân tích các hoạt động xử lý thông tin liên quan đến việc lên kế hoạch cho chuyến đi?  Câu 3: Em hãy kiểm tra dung lượng đĩa cứng của máy tính em đang sử dụng?  Câu 4: Nhà bạn An có điện thoại di động của bố, của mẹ và một máy tính xách tay đang cùng truy cập vào mạng Internet. Theo em, các thiết bị đó có đang được kết nối thành một mạng máy tính không? Nếu có, em hãy chỉ ra thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối.  Câu 5: Em hãy giải thích tại sao Internet lại sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển?  Câu 6: Có điểm gì khác nhau giữa các tổ chức thông tin trong cuốn sách với cách tổ chức thông tin trên Internet?  Câu 7: Em hãy tìm hiểu về thông tin Văn Miếu – Quốc Tử Giám trên mạng Internet?  Câu 8: Em hãy soạn một thư điện tử gửi kèm ảnh ( hoặc tệp văn bản, thiệp chúc mừng, …) cho bạn hoặc người thân của em. |

Ngày soạn:

**KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**

**I. MỤC TIÊU: Minh Huy**

***1.******Kiến thức:***Củng cố các kiến thức đã học, giúp học sinh hệ thống lại kiến thức đã học từ đầu năm đến nay.

**2.Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

Thực hiện tiết ôn tập này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

**Năng lực tự chủ, tự học**: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận

**Năng lực giao tiếp và hợp tác**: Học sinh thảo luận nhóm để để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận.

**Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về các kiến thức đã học từ đầu năm học đến nay qua các bài đã học.

**2.2. Năng lực Tin học**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

**Năng lực A (NLa):** Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

**Năng lực C (NLc):** Hệ thống lại kiến thức từ đầu năm học đến nay

**Năng lực D (NLd):**

–*Sử dụng* máy tính:

+ Xem dung lượng của bộ nhớ như đĩa cứng, USB, CD/DVD, …

+ Để kết nối các kiểu kết nối mạng Internet như hình vòng, hình sao.

+ Biết các lợi ích mà Internet đem lại đối với bản thân.

+ Thực hiện được việc tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet

+ Tạo được tài khoản thư điện tử

**3.Về phẩm chất:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái:Thể hiện sự cảm thông và sẳn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu

**2. Học liệu:**

- GV: Ra đề và đáp án, đánh máy, in ấn.

- Học sinh: Ôn tập kỹ các bài đã học

**III. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức :**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết | Ngày dạy | Sĩ số | Ghi chú |
| 6A1 |  |  |  |  |
| 6A2 |  |  |  |  |
| 6A3 |  |  |  |  |
| 6A4 |  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** không

**3. Giảng bài mới:**

1. Ma trận đề:

| **Caáp ñoä**  **Teân chuû ñeà** | **Nhaän bieát Minh Huy** | | **Thoâng hieåu** | | **Vaän duïng** | | | | **Cộng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Caáp ñoä thaáp** | | **Caáp ñoä cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **CHỦ ĐỀ 1: MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG** | Biết được vật mang thông tin trong máy tính |  | Hiểu đượcmắt thường không thể tiếp nhận thông | Phân biệt được sự khác nhau giữa thông tin, dữ liệu và vật mang thông tin | Vận dụng tính được dung lượng byte trong máy tính | Vận dụng cho được ví dụ thông tin, dữ liệu và vật mang thông tin |  |  |  |
| **Soá caâu:**  **Soá ñieåm:**  **Tæ leä %:** | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5%** |  | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5%** | **0,5 câu**  **1,5 điểm**  **15%** | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5 %** | **0,5 câu**  **1,5 điểm**  **15%** |  |  | **4 câu**  **4,5 điểm**  **45%** |
| **CHỦ ĐỀ 2: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET** | Biết được các thành phần mạng máy tính | Biết được khái niệm và lợi ích Internet Biết khi truy cập vào Internet người sử dụng rất nhiều công việc | Hiểu được cách kết nối Internet |  |  |  |  |  |  |
| **Soá caâu:**  **Soá ñieåm:**  **Tæ leä %:** | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5%** | **0,5 câu**  **1,5 điểm**  **15 %** | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5%** |  |  |  |  |  | **2,5 câu**  **2,5 điểm**  **25 %** |
| **CHỦ ĐỀ 3:**  **TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN** | - Biết cách truy cập vào trang web  - Biết được cú pháp thư điện tử |  | - Hiểu được các trình duyệt web | Hiểu được khái niệm trình duyệt web |  | - Nêu được một số trình duyệt web.  - Biết cách truy cập vào trang web và cho ví dụ |  | - Vận dụng biết được mỗi địa chỉ thư điện tử là duy nhất trên phạm vi toàn cầu |  |
| **Soá caâu:**  **Soá ñieåm:**  **Tæ leä %:** | **2 câu**  **1,0 điểm**  **10 %** |  | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5 %** | **0,25 câu**  **0,5 điểm**  **5 %** |  | **0, 25 câu**  **0,5 điểm**  **5 %** |  | **1 câu**  **0,5 điểm**  **5 %** | **4,5 câu**  **3, 0 điểm**  **30 %** |
| **Toång soá caâu:** | **4,5** | | **3,75** | | **1,75** | | **1** | | **11** |
| **Toång soá ñieåm:**  **Tæ leä %** | **4,5 câu**  **3, 5 điểm**  **40 %** | | **3,75 câu**  **3,5 điểm**  **35 %** | | **1,75 câu**  **2,5 điểm**  **25 %** | | **1 câu**  **0,5 điểm**  **5 %** | | **11 câu**  **10 điểm**  **100%** |

**A. TRẮC NGHIỆM:(4 điểm)**

**Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu em cho là đúng: Phạm Huy**

**Câu 1:** Vật nào sau đây được gọi là mang thông tin:

A. Tín hiệu đèn giao thông đổi màu, hôm nay trời nắng.

B. Đi qua đường, con số, văn bản, hình ảnh trên ti vi.

C. Tấm bảng, đèn giao thông, USB.

D. Cả a, b, c đều đúng.

**Câu 2:** Mắt thường không thể tiếp nhận thông tin nào dưới đây?

A. Đàn kiến đang “tấn công” lọ đường quên đậy nắp;

B. Những con vi trùng gây bệnh lị lẫn trong thức ăn bị ôi thiu;

C. Rác bẩn vứt ngoài hành lang lớp học;

D. Bạn Phương quên không đeo khăn quàng đỏ.

Câu 3: Một quyển sách A gồm 200 trang nếu lưu trữ trên đĩa chiếm khoảng 5MB. Hỏi 1 đĩa cứng 40GB thì có thể chứa khoảng bao nhiêu cuốn sách có dung lượng thông tin xấp xỉ cuốn sách A?

A. 8000 B. 8129 C. 8291 D. 8192

Câu 4: Trong các phát biểu về mạng máy tính sau, phát biểu nào ***đúng***?

A. Mạng máy tính bao gồm: các máy tính, thiết bị mạng đảm bảo biệc kết nối, phần mềm cho phép thực hiện việc giao tiếp giửa các máy.

B. Mạng máy tính là các máy tính được kết nối với nhau.

C. Mạng máy tính gồm: các máy tính, dây mạng, vỉ mạng

D. Mạng máy tính gồm: các máy tính, dây mạng, vỉ mạng, hub

**Câu 5:** : Làm thế nào để kết nối Internet?

A. Người dùng đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet để được hỗ trợ cài đặt Internet

B. Người dùng đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet để được cấp quyền truy cập Internet

C. Người dùng đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) để được hỗ trợ cài đặt và cấp quyền truy cập Internet

D. Wi-Fi

**Câu 6:** **-** Để truy cập một trang web, thực hiện như sau:

+ B1: Nhập địa chỉ của trang Web vào ô địa chỉ

+ B2: Nháy đúp chuột vào biểu tượng trình duyệt

+ B3. Nhấn Enter

A. 1-2-3 B. 2-1-3 C. 1-3-2 D. 2-3-1

**Câu 7:** Một số trình duyệt web phổ biến hiện nay:

A. Google chorne, cốc cốc, Mozilla Firefox, UC Browse, …

B. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox), Word, Excel,…

C. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox),Word,…

D. Internet Explorer (IE), Mozilla Firefox (Firefox), yahoo, google,…

**Câu 8:** Trình bày cú pháp địa chỉ thư điện tử tổng quát:

A. < lop9b > @ < yahoo.com >

B.< Tên đăng nhập >@ < gmail.com.vn >

C.< Tên đăng nhập > @ < gmail.com

D. < Tên đăng nhập>@<Tên máy chủ lưu hộp thư>

**B. TỰ LUẬN: (6,0 điểm) Phạm Huy**

Câu 1: (2,5 điểm)

Phân biệt sự khác nhau giữa thông tin, dữ liệu và vật mang thông tin? Cho ví dụ minh họa?

Câu 2: (3,0 điểm)

a. Hãy nêu khái niệm Internet và Internet có những lợi ích gì? Người sử dụng Internet có thể làm được những gì khi truy cập vào Internet?

b. Trình duyệt Web là gì? Em hãy nêu một số trình duyệt em biết? Để truy cập vào một trang web nào đó em thực hiện như thế nào? Cho ví dụ minh họa?

Câu 3: (0,5 điểm)

Thư điện tử có dạng như thế nào? Hãy giải thích phát biểu “Mỗi địa chỉ thư điện tử là duy nhất trên phạm vi toàn cầu”.

-----------------------------------//-----------------------------------

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)**  Đúng mỗi câu 0,5 điểm, sai ghi 0 điểm.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | Đáp án | C | B | D | A | C | B | A | D |   **Giải thích câu 3:**  40(GB)=40.1024=40960(MB)  Vậy thì đĩa cứng 40GB có thể chứa được 40960:5=8192 (cuốn sách) có dung lượng thông tin xấp xỉ như cuốn sách A. | | |
| **PHẦN II : TỰ LUẬN (6,0 điểm)** | | |
| **Câu** | **Nội dung đáp án Phạm Huy** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1:**  *2,5 điểm* | - Thông tin là những gì đem lại hiểu biết cho con người về thế giới xung quanh và về chính bản thân mình.  - Dữ liệu được thể hiện dưới dạng những con số, văn bản, hình ảnh và âm thanh.  - Vật mang thông tin là phương tiện được dùng để lưu trữ và truyền tải thông tin | *1,5 điểm* |
| \* Ví dụ: Cho tấm bảng sau  Screenshot_1  + Hình ảnh trên có chữ, số: Dữ liệu  + Đi đến địa điểm du lịch: Thông tin  + Tấm bảng: Vật mang thông tin | *1,0 điểm* |
| **Câu 2:**  *3,0 điểm* | **a.**  **-** Internet là mạng liên kết các mạng máy tính trên khắp thế giới.  - Lợi ích Internet:  +Trao đổi thông tin một cách nhanh chóng, hiệu quả.  + Học tập và làm việc trực tuyến  + Cung cấp nguồn tài liệu phong phú  + Cung cấp các tiện ích phục vụ đời sống  + Là phương tiện vui chơi, giải trí.  - Máy tính có thể được kết nối với Internet thông qua một nhà cung cấp dịch vụ Internet như Viettel, Mobiphone, …  - Người sử dụng truy cập Internet để tìm kiếm, chia sẻ, lưu trữ và trao đổi thông tin  **b.**  **-** Trình duyệt Web là phần mềm ứng dụng giúp người dùng giao tiếp với hệ thống WWW: truy cập các trang web và khai thác tài nguyên trên Internet  **-** Một số trình duyệt Web: Cốc cốc, Chorne, Firefox,…  **-** Để truy cập một trang web, em thực hiện như sau:  + B1: Nháy đúp chuột vào biểu tượng trình duyệt  + B2: Nhập địa chỉ của trang Web vào ô địa chỉ  Ví dụ: [www.thanhnien.com.vn](http://www.thanhnien.com.vn)  + B3. Nhấn Enter | *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,5 điểm* |
| **Câu 3:**  *0,5 điểm* | Địa chỉ thư điện tử có dạng: <tên đăng nhập>@<tên máy chủ điện tử> **Phạm Huy**  Hai hộp thư thuộc cùng nhà cung cấp dịch vụ thư điện tử phải có tên đăng nhập khác nhau. Vì vậy, mỗi địa chỉ thư điện tử là duy nhất trên phạm vi toàn cầu. | *0,25 điểm*  *0,25 điểm* |

Ngày soạn:

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II**

**I. ,MỤC TIÊU:**

***1.******Kiến thức:***Củng cố các kiến thức đã học, giúp học sinh hệ thống lại kiến thức đã học từ đầu học kỳ II đến nay.

**2.Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

Thực hiện tiết ôn tập này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

**Năng lực tự chủ, tự học**: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận

**Năng lực giao tiếp và hợp tác**: Học sinh thảo luận nhóm để để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận.

**Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về các kiến thức đã học từ đầu năm học đến nay qua các bài đã học.

**2.2. Năng lực Tin học**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

**Năng lực A (NLa):**

– Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

**Năng lực C (NLc):** Hệ thống lại kiến thức từ đầu học kỳ II đến nay

**Năng lực D (NLd):**

–*Sử dụng* máy tính để bảo vệ thông tin máy tính, vẽ được Sơ đồ tư duy, soạn thảo văn bản đơn giản.

**Năng lực E (NLe):**

**-** Năng lực hợp tác trong môi trường số.

**3.Về phẩm chất:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái:Thể hiện sự cảm thông và sẳn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, …

**2. Học liệu:**

- GV: SGK, SBT, tài liệu tham khảo

- HS: SGK, bảng nhóm, bút lông, bút dạ, phấn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU :**  **a. Mục tiêu hoạt động :** Biết được tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet  **b. Nội dung :** Em hãy nêu tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet?  **c. Sản phẩm:** Tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet  **d. Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét | |
| **Hoạt động của GV** VÀ **HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau: Em hãy nêu tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet?  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập: Minh Huy**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet:  \* Thông tin cá nhân bị lộ hoặc bị đánh cắp  \* Máy tính bị nhiễm virus hay bị mã độc  \* Bị lừa đảo, đe dọa, dụ dỗ, bắt nạt trên mạng Internet.  \* Thông tin không chính xác.  \* Nghiện Internet, nghiện trò chơi trên mạng.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận:**  + Sau khi thực hiện xong bài tập Giáo viên nhận xét đánh giá tinh thần, thái độ học tập và kết quả học sinh đã báo cáo. Từ đó hướng hướng học sinh nghiên cứu, tìm hiểu nội dung cho hoạt động hình thành kiến thức mới. | **Câu hỏi:** Em hãy nêu tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet?  \* Thông tin cá nhân bị lộ hoặc bị đánh cắp  \* Máy tính bị nhiễm virus hay bị mã độc  \* Bị lừa đảo, đe dọa, dụ dỗ, bắt nạt trên mạng Internet.  \* Thông tin không chính xác.  \* Nghiện Internet, nghiện trò chơi trên mạng. |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (60 phút)**  **1. Hoạt động 1: AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN INTERNET (10’)**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Hệ thống lại kiến thức về **AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN INTERNET**  **b. Nội dung: AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN INTERNET**  **c. Sản phẩm:** kiến thức về **AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN INTERNET**  **d.Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét | |
| **Hoạt động của GV** VÀ **HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau: Em hãy nêu cách bảo vệ thông tin và chia sẻ thông tin an toàn trên mạng Internet?  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập: Minh Huy**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  **a. Bảo vệ thông tin cá nhân:**  - Tầm quan trọng của sự an toàn và hợp pháp của thông tin cá nhân và tập thể.  - Bảo vệ thông tin và tài khoản cá nhân với sự giúp đỡ của người lớn  - Nhận diện một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu  **b.** **Chia sẻ thông tin an toàn :**  - Thông tin cá nhân chỉ nên chia sẻ cho những người mình biết và tin tưởng ở thế giới thực trong các trường hợp cần thiết.  - Thông tin trên mạng đến từ nhiều nguồn khác nhau, không ai kiểm chứng. Khi đọc thông tin, phải biết chọn lọc thông tin chính xác.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  + GV nhận xét, chốt kiến thức  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | **1. AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN INTERNET**:  **a. Bảo vệ thông tin cá nhân:**  - Tầm quan trọng của sự an toàn và hợp pháp của thông tin cá nhân và tập thể.  - Bảo vệ thông tin và tài khoản cá nhân với sự giúp đỡ của người lớn  - Nhận diện một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu  **b.** **Chia sẻ thông tin an toàn :**  - Thông tin cá nhân chỉ nên chia sẻ cho những người mình biết và tin tưởng ở thế giới thực trong các trường hợp cần thiết.  - Thông tin trên mạng đến từ nhiều nguồn khác nhau, không ai kiểm chứng. Khi đọc thông tin, phải biết chọn lọc thông tin chính xác. |
| **2. Hoạt động 2: SƠ ĐỒ TƯ DUY (5’)**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Hệ thống lại kiến thức về **SƠ ĐỒ TƯ DUY**  **b. Nội dung: SƠ ĐỒ TƯ DUY**  **c. Sản phẩm:** Kiến thức về **SƠ ĐỒ TƯ DUY**  **d.** **Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét | |
| **Hoạt động của GV** VÀ **HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau: Sơ đồ tư duy là gì? Theo em vẽ sơ đồ tư duy có những ưu điểm và hạn chế gì?  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  **-** Sơ đồ tư duy là phương pháp trình bày thông tin một cách trực quan bằng cách sử dụng văn bản, hình ảnh và các đường nối.  - Sơ đồ tư duy tận dụng tối đa khả năng ghi nhận hình ảnh của bộ não, giúp chúng ta dễ dàng ghi nhớ chi tiết, tổng hợp hay phân tích vấn đề. \* Ưu điểm:+ Quan hệ tương hỗ được làm rõ+ Các khái niệm then chốt được liên hệ ngay bằng thị giác+ Ghi nhớ dễ dàng hơn+ Dễ dàng thêm thông tin vào sơ đồ tư duy+ Có thể tận dụng sự hỗ trợ của các phần mềm trên máy tính **\* Hạn chế:**  + Sơ đồ tư duy có thể gây khó khăn cho những người rất logic trong cách họ suy nghĩ. Khi động não thì sơ đồ tư duy khuyến khích bạn để dòng chảy ý tưởng tự do, thậm chí cần phải để trực giác làm việc. Đối với người logic trong suy nghĩ sẽ khó tin vào trực quan vì suy nghĩ của họ sẽ tự cho rằng việc đó không khả thi.  + Để có thể hiểu được sự đóng góp tích cực mà sơ đồ tư duy mang lại là vô cùng quan trọng. Sơ đồ tư duy cung cấp thông tin và cấu trúc tự giải thích có thể hiểu rõ nhất bởi người tạo ra nó. Chính vì vậy, sẽ khó khăn với những người không chứng kiến hiệu quả hoàn toàn với sơ đồ tư duy.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | **2. SƠ ĐỒ TƯ DUY:**  **a. Khái niệm:**  **-** Sơ đồ tư duy là phương pháp trình bày thông tin một cách trực quan bằng cách sử dụng văn bản, hình ảnh và các đường nối.  - Sơ đồ tư duy tận dụng tối đa khả năng ghi nhận hình ảnh của bộ não, giúp chúng ta dễ dàng ghi nhớ chi tiết, tổng hợp hay phân tích vấn đề.  **b. Ưu điểm và hạn chế SĐTD:** \* Ưu điểm:+ Quan hệ tương hỗ được làm rõ+ Các khái niệm then chốt được liên hệ ngay bằng thị giác+ Ghi nhớ dễ dàng hơn+ Dễ dàng thêm thông tin vào sơ đồ tư duy+ Có thể tận dụng sự hỗ trợ của các phần mềm trên máy tính **\* Hạn chế:**  + Sơ đồ tư duy có thể gây khó khăn cho những người rất logic trong cách họ suy nghĩ. Khi động não thì sơ đồ tư duy khuyến khích bạn để dòng chảy ý tưởng tự do, thậm chí cần phải để trực giác làm việc. Đối với người logic trong suy nghĩ sẽ khó tin vào trực quan vì suy nghĩ của họ sẽ tự cho rằng việc đó không khả thi.  + Để có thể hiểu được sự đóng góp tích cực mà sơ đồ tư duy mang lại là vô cùng quan trọng. Sơ đồ tư duy cung cấp thông tin và cấu trúc tự giải thích có thể hiểu rõ nhất bởi người tạo ra nó. Chính vì vậy, sẽ khó khăn với những người không chứng kiến hiệu quả hoàn toàn với sơ đồ tư duy. |
| **3. Hoạt động 3: ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN (5’)**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Hệ thống lại kiến thức về **ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN**  **b. Nội dung: ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN**  **c. Sản phẩm:** Kiến thức về về **ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN**  **d. Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét | |
| **Hoạt động của GV** **VÀ HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau: Để định dạng trang văn bản em thực hiện như thế nào?  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  \* Định dạng văn bản: Thực hiện như sau  + B1: Nháy chuột vào dải lệnh Page layout 🡪 chọn các lệnh trong nhóm lệnh Page setup  + B2:  **\* Chọn hướng trang:**  - Nháy chuột vào nút mũi tên  bên dưới lệnh Orientation:  + Chọn Portrait : Hướng trang đứng  + Chọn Landscape: Hướng trang nằm ngang  **\* Đặt lề trang:**  + B1: Nháy chuột vào nút mũi tên  bên dưới lệnh Margins 🡪 Customs Margins.    + B2:  • Top: Lề trên.  • Bottom: Lề dưới.  • Left: Lề trái.  • Right: Lề phải    + B3: Nháy OK  **\* Lựa chọn khổ giấy:**  Nháy chuột vào nút mũi tên bên cạnh size 🡪 chọn khổ giấy A4  Screenshot_13  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | **3. ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN**:  Thực hiện như sau  + B1: Nháy chuột vào dải lệnh Page layout 🡪 chọn các lệnh trong nhóm lệnh Page setup  + B2:  **\* Chọn hướng trang:**  - Nháy chuột vào nút mũi tên  bên dưới lệnh Orientation:  + Chọn Portrait : Hướng trang đứng  + Chọn Landscape: Hướng trang nằm ngang  **\* Đặt lề trang:**  + B1: Nháy chuột vào nút mũi tên  bên dưới lệnh Margins 🡪 Customs Margins.    + B2:  • Top: Lề trên.  • Bottom: Lề dưới.  • Left: Lề trái.  • Right: Lề phải    + B3: Nháy OK  **\* Lựa chọn khổ giấy:**  Nháy chuột vào nút mũi tên bên cạnh size 🡪 chọn khổ giấy A4  Screenshot_13 |
| **4. Hoạt động 4: TRÌNH BÀY THÔNG TIN Ở DẠNG BẢNG (10’)**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Hệ thống lại kiến thức về **TRÌNH BÀY THÔNG TIN Ở DẠNG BẢNG**  **b. Nội dung: TRÌNH BÀY THÔNG TIN Ở DẠNG BẢNG**  **c. Sản phẩm:** Kiến thức về **TRÌNH BÀY THÔNG TIN Ở DẠNG BẢNG**  **d. Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét | |
| **Hoạt động của GV** **VÀ HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  Câu 1: Em hãy nêu các bước tạo bảng? Giải thích?  Câu 2: Hãy nêu cách định dạng bảng?  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  + Câu 1:  + B1: Nháy chuột vào dải lệnh Insert  + B2: Nháy chuột vào nút mũi tên dưới chữ table Screenshot_8 🡪 Chọn số cột và số hàng hợp lý  \* Câu 2:  + Nháy chuột vào dải lệnh Layout 🡪 chọn định dạng bảng:  **Screenshot_11**  \* Nháy chuột Delete: Xóa bảng, hàng, cột.  \* Chọn các lệnh trong nhóm lệnh Rows & Columns: Chèn thêm hàng hoặc cột.  \* Chọn các lệnh trong nhóm lệnh Merge: Gộp, tách ô, tách bảng.  \* Chọn các lệnh trong nhóm lệnh Cell Size: Điều chỉnh kích thước ô.  \* Chọn các lệnh trong nhóm lệnh Alignment: Căn chỉnh lề, hướng của văn bản trong ô.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | **4. TRÌNH BÀY THÔNG TIN Ở DẠNG BẢNG**:  **a. TẠO BẢNG :**  **Thực hiện như sau:**  + B1: Nháy chuột vào dải lệnh Insert  + B2: Nháy chuột vào nút mũi tên dưới chữ table Screenshot_8 🡪 Chọn số cột và số hàng hợp lý  **b. Định dạng bảng:**  + Nháy chuột vào dải lệnh Layout 🡪 chọn định dạng bảng:  **Screenshot_11**  \* Nháy chuột Delete: Xóa bảng, hàng, cột.  \* Chọn các lệnh trong nhóm lệnh Rows & Columns: Chèn thêm hàng hoặc cột.  \* Chọn các lệnh trong nhóm lệnh Merge: Gộp, tách ô, tách bảng.  \* Chọn các lệnh trong nhóm lệnh Cell Size: Điều chỉnh kích thước ô.  \* Chọn các lệnh trong nhóm lệnh Alignment: Căn chỉnh lề, hướng của văn bản trong ô. |
| **5. Hoạt động 5: TÌM KIẾM VÀ THAY THẾ (10’)**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Hệ thống lại kiến thức về **TÌM KIẾM VÀ THAY THẾ**  **b. Nội dung: TÌM KIẾM VÀ THAY THẾ**  **c. Sản phẩm:** Kiến thức về **TÌM KIẾM VÀ THAY THẾ**  **d. Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét | |
| **Hoạt động của GV** **VÀ HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau: Để tìm kiếm và thay thế thông tin em thực hiện như thế nào?  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  a. Tìm kiếm thông tin:  + B1: Nháy chuột vào dải lệnh Home 🡪 nháy chuột nút mũi tên bên phải chữ Find Screenshot_9 🡪 Chọn Find. Xuất hiện hộp thoại **trong ngăn bên trái**  + B2: Gõ từ hoặc cụm từ cần tìm kiếm rồi nhấn Enter  b. Thay thế thông tin:  + B1: Nháy chuột vào dải lệnh Home 🡪 nháy chuột vào replace trong nhóm lệnh Editing Screenshot_13 . Xuất hiện hộp thoại Find and replcae  + B2: Nháy chuột chọn thẻ Replcae  \* Trong ô Find what: gõ từ hoặc cụm từ cần tìm  \* Trong ô Replace with: gõ từ hoặc cụm từ thay thế  + B3: Nháy chuột vào Replace All: Thay thế tất cả các từ đã tìm kiếm hoặc nháy chuột Replace: Thay thế lần lượt từng từ hoặc cụm từ tìm kiếm  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | **5. TÌM KIẾM VÀ THAY THẾ:**  a. Tìm kiếm thông tin:  + B1: Nháy chuột vào dải lệnh Home 🡪 nháy chuột nút mũi tên bên phải chữ Find Screenshot_9 🡪 Chọn Find. Xuất hiện hộp thoại **trong ngăn bên trái**  + B2: Gõ từ hoặc cụm từ cần tìm kiếm rồi nhấn Enter  b. Thay thế thông tin:  + B1: Nháy chuột vào dải lệnh Home 🡪 nháy chuột vào replace trong nhóm lệnh Editing Screenshot_13 . Xuất hiện hộp thoại Find and replcae  + B2: Nháy chuột chọn thẻ Replcae  \* Trong ô Find what: gõ từ hoặc cụm từ cần tìm  \* Trong ô Replace with: gõ từ hoặc cụm từ thay thế  + B3: Nháy chuột vào Replace All: Thay thế tất cả các từ đã tìm kiếm hoặc nháy chuột Replace: Thay thế lần lượt từng từ hoặc cụm từ tìm kiếm |
| **C. HOẠT ĐỘNG 3 : LUYỆN TẬP (15’)**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Hệ thống lại kiến thức đã học dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm  **b. Nội dung:** Ôn tập lại kiến thức đã học  **c. Sản phẩm:** Trả lời được câu hỏi dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm  **d. Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét | |
| **Hoạt động của GV** **VÀ HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm sau:  **Câu 1:** Loại file nào có thể phát tán được virus.  A. .EXE  B. .COM  C. .DOC  D. tất cả các file trên  **Câu 2:**Virus máy tính là:  A. Một chương trình hay đoạn chương trình  B. Có khả năng tự nhân bản hay sao chép chính nó  C. Từ đối tượng bị lây nhiễm này sang đối tượng khác mỗi khi đối tượng bị lây nhiễm (vật mang virus) được kích hoạt  D. Cả A, B và C  **Câu 3:** Để phòng tránh virus, chúng ta nên tuân thủ thực hiện đúng việc nào sau đây?  A. Không truy cập Internet  B. Định kỳ quét và diệt virus bằng các phần mềm diệt virus  C. Mở những tệp gửi kèm trong thư điện tử gửi từ địa chỉ lạ  D. Chạy các chương trình tải từ Internet về  **Câu 4:** Vì sao cần bảo vệ thông tin máy tính?  A. Trong máy tính có những thông tin rất quan trọng  B. Trong quá trình sử dụng có thể có những rủi ro làm mất thông tin trong máy tính  C. Sự mất an toàn thông tin ở quy mô lớn hoặc ở tầm quốc gia có thể đưa đến những hậu quả vô cùng to lớn  D. Cả A, B và C  Câu 5: Để khởi động phần mềm SĐTD em thực hiện như thế nào?  a. Nháy đúp chuột phải vào biểu tượng Xmind trên màn hình nền.  b. Nháy đúp chuột trái vào biểu tượng Xmind trên màn hình nền.  c. Nháy chuột phải vào biểu tượng Xmind trên màn hình nền.  d. Nháy chuột trái vào biểu tượng Xmind trên màn hình nền.  Câu 6: Sơ đồ tư duy là  a. Một công cụ tổ chức thông tin phù hợp với quá trình tư duy  b. Một phương pháp chuyển tải thông tin  c. Một cách ghi chép sáng tạo  d. Một công cụ soạn thảo văn bản  **Câu 7:** Các lệnh định dạng văn bản được chia thành các loại sau:  A. Định dạng kí tự  B. Định dạng đoạn văn bản  C. Định dạng trang  D. Cả A, B và C đều đúng  **Câu 8:** Để định dạng trang, ta cần thực hiện lệnh:  A. Nháy chuột vào dải lệnh File→ chọn Page Setup…  B. Nháy chuột vào dải lệnh Page layout → chọn Setup…  C. Nháy chuột vào dải lệnh File → chọn Print Setup…  D. Nháy chuột vào dải lệnh Insert → chọn Page Setup…  **Câu 9:** Để in được văn bản, em thực hiện như thế nào?  A. Nháy chuột vào File 🡪 Print 🡪 chọn Print (máy in)  B. Nháy chuột vào Print 🡪 chọn Print (máy in) 🡪File  C. Nhấn tổ hợp phím Ctrl + P 🡪 Nhấn En.ter  D. Cả a, c đều đúng  **Câu 10:** Để định dạng đoạn văn bản em sử dụng các lệnh nào?  A. Format/Font  B. Home /Paragraph  C. File/Paragraph  D. Format/Paragraph  **Câu 11:** Để thêm cột nằm bên trái của bảng ta thực hiện lệnh nào trong các lệnh sau?  A. Table Tools/ Layout/ Insert Right  B. Table Tools/ Layout/ Delete/ Table  C. Table Tools/ Layout/ Insert Left  D. Table Tools/ Layout/ Insert Above  **Câu 12:** Muốn xóa cột ta nháy chuột vào ô cần xóa rồi chọn lệnh nào?  A. Table Tools/ Layout/ Delete/ Delete Rows  B. Table Tools/ Layout/ Delete/ Table  C. Table Tools/ Layout/ Delete/ Delete Columns  D. Table Tools/ Layout/ Delete/Cells  **Câu 13:** Để tạo bảng ta có thể chọn nút lệnh:  A.  Screenshot_1.png B.  Screenshot_1.png C.  Screenshot_1.png D. Screenshot_1.png  **Câu 14:** Trong khi soạn thảo văn bản, giả sử ta cần thay thế chữ “Thầy giáo” thành chữ “Giáo viên” thì ta thực hiện chọn:  A. Dải Home chọn lệnh Editing/Replace…  B. Dải Home chọn lệnh Editing/Clear…  C. Dải Home chọn lệnh Editing/Find…  D. Dải Home chọn lệnh Editing/Goto…  **Câu 15:** Trong khi soạn thảo văn bản, giả sử ta cần tìm kiếm chữ “Thầy giáo” thì ta thực hiện chọn:  A. Dải Home chọn lệnh Editing/Clear…  B. Dải Home chọn lệnh Editing/Find…  C. Dải Home chọn lệnh Editing/Replace…  D. Dải Home chọn lệnh Editing/Goto…  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.   |  |  | | --- | --- | | Đáp án | Đáp án | | 1. A  2. D  3. B  4. D  5. B  6. A  7. D  8. B  9. D  10. B | 11. C  12. C  13. B  14. A  15. B |   GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | **\* TRẮC NGHIỆM:**  1. A  2. D  3. B  4. D  5. B  6. A  7. D  8. B  9. D  10. B  11. C  12. C  13. B  14. A  15. B |
| **D. HOẠT ĐỘNG 4 : VẬN DỤNG (12’)**  **Mục tiêu hoạt động:** Biết được các kiến thức trả lời các câu hỏi vận dụng  **Nội dung:** Hệ thống các kiến thức trả lời các câu hỏi vận dụng  **\* Sản phẩm:** Kết quả các kiến thức trả lời các câu hỏi vận dụng  **\* Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV** **VÀ HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  Câu 1: Em sẽ làm gì khi phát hiện bạn bè hoặc người thân có nguy cơ bị hại khi truy cập mạng Internet?  Câu 2: Tạo SĐTD trên máy tính hoặc trên giấy về chủ đề buổi dã ngoại?  Câu 3: Em có thể định dạng các phần khác nhau của văn bản bằng nhiều phông chữ khác nhau được không? Em có nên dùng *quá nhiều phông chữ khác nhau* trong một văn bản hay không? Tại sao?  Câu 4: Một văn bản đã được trình bày với trang ngang. Em có thể đặt lại văn bản đó theo hướng trang đứng được hay không? Nếu có, em cần thực hiện như thế nào?  Câu 5: Em hãy trình bày nội dung sau dưới dạng bảng:  a. Thời khóa biểu lớp em.  b. Thời gian biểu hoạt động các ngày trong tuần của em.  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | Câu 1: Em sẽ làm gì khi phát hiện bạn bè hoặc người thân có nguy cơ bị hại khi truy cập mạng Internet?  Câu 2: Tạo SĐTD trên máy tính hoặc trên giấy về chủ đề buổi dã ngoại?  Câu 3: Em có thể định dạng các phần khác nhau của văn bản bằng nhiều phông chữ khác nhau được không? Em có nên dùng *quá nhiều phông chữ khác nhau* trong một văn bản hay không? Tại sao?  Câu 4: Một văn bản đã được trình bày với trang ngang. Em có thể đặt lại văn bản đó theo hướng trang đứng được hay không? Nếu có, em cần thực hiện như thế nào?  Câu 5: Em hãy trình bày nội dung sau dưới dạng bảng:  a. Thời khóa biểu lớp em.  b. Thời gian biểu hoạt động các ngày trong tuần của em. |

Ngày soạn:

**KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

**I. MỤC TIÊU: Minh Huy**

***1.******Kiến thức:***Củng cố các kiến thức đã học, giúp học sinh hệ thống lại kiến thức đã học từ đầu học kỳ II đến nay.

**2.Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

Thực hiện tiết ôn tập này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

**Năng lực tự chủ, tự học**: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận

**Năng lực giao tiếp và hợp tác**: Học sinh thảo luận nhóm để để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận.

**Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về các kiến thức đã học từ đầu năm học đến nay qua các bài đã học.

**2.2. Năng lực Tin học**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

**Năng lực A (NLa):**

– Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

**Năng lực C (NLc):** Hệ thống lại kiến thức từ đầu học kỳ II đến nay

**Năng lực D (NLd):**

–*Sử dụng* máy tính để bảo vệ thông tin máy tính, vẽ được Sơ đồ tư duy, soạn thảo văn bản đơn giản.

**Năng lực E (NLe):**

**-** Năng lực hợp tác trong môi trường số.

**3.Về phẩm chất:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái:Thể hiện sự cảm thông và sẳn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu

**2. Học liệu:**

- GV: Ra đề và đáp án, đánh máy, in ấn.

- Học sinh: Ôn tập kỹ các bài đã học qua các chủ đề

**III. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức :**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết | Ngày dạy | Sĩ số | Ghi chú |
| 6A1 |  |  |  |  |
| 6A2 |  |  |  |  |
| 6A3 |  |  |  |  |
| 6A4 |  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** không

**3. Giảng bài mới:**

1.Ma trận đề :

| **Caáp ñoä**  **Teân**  **chuû ñeà** | **Nhaän bieát**  **Minh Huy** | | **Thoâng hieåu** | | **Vaän duïng** | | | | **Cộng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Caáp ñoä thaáp** | | **Caáp ñoä cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **CHỦ ĐỀ 4: ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Bài 9: An toàn thông tin trên Internet** | Biết không truy cập vào các trang web không rõ nguồn gốc |  | Hiểu được lợi ích của Internet |  |  |  |  | Vận dụng khi ttuy cập vào Internet sử dụng đượ mạng xã hội lành mạnh và hiệu quả |  |
| **Soá caâu:**  **Soá ñieåm:**  **Tæ leä %:** | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5%** |  | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5%** |  |  |  |  | **1 câu**  **1,5 điểm**  **15%** | **3 câu**  **2,5 điểm**  **25%** |
| **CHỦ ĐỀ 5: ỨNG DỤNG TIN HỌC** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Bài 10: Sơ đồ tư duy** | Biết phần mềm vẽ SĐTD | **Biết ưu điểm và hạn chế của SĐTD** |  | **Hiểu được khái niệm SĐTD** |  |  |  |  |  |
| **Soá caâu:**  **Soá ñieåm:**  **Tæ leä %:** | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5%** | **0,5 câu**  **1,0 điểm**  **10 %** |  | **0,5 câu**  **0,5 điểm**  **5%** |  |  |  |  | **2,0 câu**  **2,0 điểm**  **20 %** |
| **Bài 11:**  **Định dạng văn bản** | Biết được các bước định dạng trang văn bản |  | Hiểu được cách xác định đoạn văn bản cần định dạng |  |  | Vận dụng thực hiện được định dạng trang văn bản |  |  |  |
| **Soá caâu:**  **Soá ñieåm:**  **Tæ leä %:** | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5 %** |  | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5 %** |  |  | **1 câu**  **3,0 điểm**  **30 %** |  | **1** | **3,0 câu**  **4, 0 điểm**  **40 %** |
| **Bài 12:**  **Trình bày thông tin ở dạng bảng** | Biết nút lệnh tạ bảng |  | Hiểu được các bước thêm cột vào bảng |  |  |  |  |  |  |
| **Soá caâu:**  **Soá ñieåm:**  **Tæ leä %:** | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5 %** |  | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5 %** |  |  |  |  |  | **2,0 câu**  **1,0 điểm**  **10 %** |
| **Bài 13: Thực hành tìm kiếm và thay thế** |  |  | Hiểu được cách tìm kiếm từ khóa trong văn bản |  |  |  |  |  |  |
| **Soá caâu:**  **Soá ñieåm:**  **Tæ leä %:** |  |  | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5 %** |  |  |  |  |  | **1,0 câu**  **0, 5 điểm**  **5 %** |
| **Toång soá caâu:** | **4,5** | | **4,5** | | **1,0** | | **1,0** | | **11** |
| **Toång soá ñieåm:**  **Tæ leä %** | **4,5 câu**  **3, 0 điểm**  **30 %** | | **4,5 câu**  **2,5 điểm**  **25 %** | | **1,0 câu**  **3,0 điểm**  **30 %** | | **1 câu**  **1,5 điểm**  **15 %** | | **11 câu**  **10 điểm**  **100%** |

**A. TRẮC NGHIỆM:(4 điểm)**

**Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu em cho là đúng: Minh Huy**

Câu 1: Khi sử dụng internet, những việc làm nào sau đây có thể khiến em bị hại.

A. Tải phần mềm, tệp miễn phí trên internet.

B. Mở liên kết được cung cấp trong thư điện tử không biết rõ nguồn gốc.

C. Định kì thay đổi mật khẩu của tài khoản cá nhân trên mạng xa hội và thư điện tử.

D. Cả A, B đều đúng

Câu 2: Theo em, tình huống nào sau đây giúp ích cho em khi sử dụng internet.

A. Thông tin cá nhân hoặc tập thể bị đánh cắp.

B. Bị bạn quen trên mạng lừa đảo.

C. Hoàn thành chương trình học tập trên mạng Internet

D. Nghiện mạng xã hội, nghiện trò chơi trên mạng.

Câu 3: Phần mềm nào sau đây là phần mềm Sơ đồ tư duy

**A.** Xmind B. Bmindmap 10

C. Word D. Cả A, B đều đúng

Câu 4: Phát biểu nào đúng khi nói đến các cách để xác định đoạn văn bản cần định dạng

A.Đánh dấu toàn bộ đoạn văn bản.

B. Đánh dấu một phần đoạn văn bản.

C. Đặt con trỏ vào trong đoạn văn bản

D. Hoặc A hoặc B hoặc C.

Câu 5: Để định dạng trang, ta cần thực hiện lệnh:

A. Nháy chuột vào dải lệnh File→ chọn Page Setup…

B. Nháy chuột vào dải lệnh Page layout → chọn Setup…

C. Nháy chuột vào dải lệnh File → chọn Print Setup…

D. Nháy chuột vào dải lệnh Insert → chọn Page Setup…

Câu 6: Để tạo bảng ta có thể chọn nút lệnh:

A.  Screenshot_1.png B.  Screenshot_1.png C.  Screenshot_1.png D. Screenshot_1.png

Câu 7: Để thêm cột nằm bên trái của bảng ta thực hiện lệnh nào trong các lệnh sau?

A. Table Tools/ Layout/ Insert Right

B. Table Tools/ Layout/ Delete/ Table

C. Table Tools/ Layout/ Insert Left

D. Table Tools/ Layout/ Insert Above

Câu 8: Trong khi soạn thảo văn bản, giả sử ta cần tìm kiếm chữ “Thầy giáo” thì ta thực hiện chọn:

A. Dải Home chọn lệnh Editing/Clear…

B. Dải Home chọn lệnh Editing/Goto…

C. Dải Home chọn lệnh Editing/Replace…

D. Dải Home chọn lệnh Editing/Find…

**B. TỰ LUẬN: (6,0 điểm)**

**Câu 1:** (1,5 điểm)

Sơ đồ tư duy là gì? Theo em vẽ sơ đồ tư duy có những ưu điểm và hạn chế gì?

Câu 2: (3,0 điểm)

Hãy nêu các bước thực hiện định dạng văn bản?

Câu 3: (1,5 điểm)

Khi còn ngồi trên ghế nhà trường, em làm thế nào để sử dụng mạng xã hội và chia sẻ thông tin trên Internet có hiệu quả?

-----------------------------------//-----------------------------------

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)**  Đúng mỗi câu 0,5 điểm, sai ghi 0 điểm.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | Đáp án | B | C | D | A | B | C | A | D | | | |
| **PHẦN II : TỰ LUẬN (6,0 điểm)** | | |
| **Câu** | **Nội dung đáp án** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1:**  *1,5 điểm*  **Minh Huy** | **-** Sơ đồ tư duy là phương pháp trình bày thông tin một cách trực quan bằng cách sử dụng văn bản, hình ảnh và các đường nối. \* Ưu điểm:+ Quan hệ tương hỗ được làm rõ+ Các khái niệm then chốt được liên hệ ngay bằng thị giác+ Ghi nhớ dễ dàng hơn+ Dễ dàng thêm thông tin vào sơ đồ tư duy+ Có thể tận dụng sự hỗ trợ của các phần mềm trên máy tính **\* Hạn chế:**  + Sơ đồ tư duy có thể gây khó khăn cho những người rất logic trong cách họ suy nghĩ. Khi động não thì sơ đồ tư duy khuyến khích bạn để dòng chảy ý tưởng tự do, thậm chí cần phải để trực giác làm việc. Đối với người logic trong suy nghĩ sẽ khó tin vào trực quan vì suy nghĩ của họ sẽ tự cho rằng việc đó không khả thi.  + Sơ đồ tư duy cung cấp thông tin và cấu trúc tự giải thích có thể hiểu rõ nhất bởi người tạo ra nó. Chính vì vậy, sẽ khó khăn với những người không chứng kiến hiệu quả hoàn toàn với sơ đồ tư duy. | *0,5 điểm*  *0,5 điểm*  *0,5 điểm* |
| **Câu 2:**  *3,0 điểm* | Định dạng trang văn bản thực hiện như sau:  + B1: Nháy chuột vào dải lệnh Page layout 🡪 chọn các lệnh trong nhóm lệnh Page setup  + B2:  **\* Chọn hướng trang:**  - Nháy chuột vào nút mũi tên  bên dưới lệnh Orientation:  + Chọn Portrait : Hướng trang đứng  + Chọn Landscape: Hướng trang nằm ngang  **\* Đặt lề trang:**  + B1: Nháy chuột vào nút mũi tên  bên dưới lệnh Margins 🡪 Customs Margins.  + B2:  • Top: Lề trên.  • Bottom: Lề dưới.  • Left: Lề trái.  • Right: Lề phải  + B3: Nháy chuột chọn OK  **\* Lựa chọn khổ giấy:**  Nháy chuột vào nút mũi tên bên cạnh size 🡪 chọn khổ giấy A4 | *0,5 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,5 điểm*  *1,0 điểm*  *0,5 điểm* |
| **Câu 3:**  *1,5 điểm* | - Trang bị cho con kỹ năng bảo mật thông tin cá nhân trên mạng xã hội- Thống nhất về thời gian sử dụng Internet- Có trách nhiệm trên môi trường trực tuyến- Khuyến khích đầu tư nhiều hơn vào các hoạt động trải nghiệm thực tế- Sử dụng công nghệ thông tin để làm bạn với sự giám sát của gia đình, thầy cô giáo. - Khuyến khích, động viên bạn bè và người thân chia sẻ thông tin phòng chống Covid-19 lành mạnh và bảo vệ bản thân theo bộ y tế 5K trên mạng Internet. | *0,25 điểm*  *0,25điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm* |

**4. Củng cố:**

- Giáo viên thu bài nhắc nhở.

- Nhận xét ý thức của HS qua tiết kiểm tra.

**5. Hướng dẫn về nhà**

- Học bài cũ và ôn lại bài mới

- Về nhà đọc trước **CHỦ ĐỀ 6: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH - BÀI 15: THUẬT TOÁN**

Ngày soạn:

**ÔN TẬP HỌC KỲ II**

**I. MỤC TIÊU:**

***1.******Kiến thức:***Củng cố các kiến thức đã học, giúp học sinh hệ thống lại kiến thức đã học từ đầu học kỳ II đến nay.

**2.Về năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

Thực hiện tiết ôn tập này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

**Năng lực tự chủ, tự học**: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận

**Năng lực giao tiếp và hợp tác**: Học sinh thảo luận nhóm để để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận.

**Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về các kiến thức đã học từ đầu năm học đến nay qua các bài đã học.

**2.2. Năng lực Tin học**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

**Năng lực A (NLa):**

– Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

**Năng lực C (NLc):** Hệ thống lại kiến thức từ đầu học kỳ II đến nay

**Năng lực D (NLd):**

–*Sử dụng* máy tính để bảo vệ thông tin máy tính, vẽ được Sơ đồ tư duy, soạn thảo văn bản đơn giản và lập trình đơn giản bằng phần mềm Scratch

**Năng lực E (NLe):**

**-** Năng lực hợp tác trong môi trường số.

**3.Về phẩm chất: Minh Huy**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái:Thể hiện sự cảm thông và sẳn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, …

**2. Học liệu:**

- GV: SGK, SBT, tài liệu tham khảo

- HS: SGK, bảng nhóm, bút lông, bút dạ, phấn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU :**  **a. Mục tiêu hoạt động :** Biết được tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet  **b. Nội dung :** Em hãy nêu tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet?  **c. Sản phẩm:** Tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet  **d. Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét | |
| **Hoạt động của GV** VÀ **HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau: Em hãy nêu tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet?  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet:  \* Thông tin cá nhân bị lộ hoặc bị đánh cắp  \* Máy tính bị nhiễm virus hay bị mã độc  \* Bị lừa đảo, đe dọa, dụ dỗ, bắt nạt trên mạng Internet.  \* Thông tin không chính xác.  \* Nghiện Internet, nghiện trò chơi trên mạng.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận:**  + Sau khi thực hiện xong bài tập Giáo viên nhận xét đánh giá tinh thần, thái độ học tập và kết quả học sinh đã báo cáo. Từ đó hướng hướng học sinh nghiên cứu, tìm hiểu nội dung cho hoạt động hình thành kiến thức mới. | **Câu hỏi:** Em hãy nêu tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet?  \* Thông tin cá nhân bị lộ hoặc bị đánh cắp  \* Máy tính bị nhiễm virus hay bị mã độc  \* Bị lừa đảo, đe dọa, dụ dỗ, bắt nạt trên mạng Internet.  \* Thông tin không chính xác.  \* Nghiện Internet, nghiện trò chơi trên mạng. |
| **B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (60 phút)**  **1. Hoạt động 1: AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN INTERNET (10’)**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Hệ thống lại kiến thức về **AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN INTERNET**  **b. Nội dung: AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN INTERNET**  **c. Sản phẩm:** kiến thức về **AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN INTERNET**  **d.Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét | |
| **Hoạt động của GV** VÀ **HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau: Em hãy nêu cách bảo vệ thông tin và chia sẻ thông tin an toàn trên mạng Internet?  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  **a. Bảo vệ thông tin cá nhân:**  - Tầm quan trọng của sự an toàn và hợp pháp của thông tin cá nhân và tập thể.  - Bảo vệ thông tin và tài khoản cá nhân với sự giúp đỡ của người lớn  - Nhận diện một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu  **b.** **Chia sẻ thông tin an toàn :**  - Thông tin cá nhân chỉ nên chia sẻ cho những người mình biết và tin tưởng ở thế giới thực trong các trường hợp cần thiết.  - Thông tin trên mạng đến từ nhiều nguồn khác nhau, không ai kiểm chứng. Khi đọc thông tin, phải biết chọn lọc thông tin chính xác.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  + GV nhận xét, chốt kiến thức  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | **1. AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN INTERNET**:  **a. Bảo vệ thông tin cá nhân:**  - Tầm quan trọng của sự an toàn và hợp pháp của thông tin cá nhân và tập thể.  - Bảo vệ thông tin và tài khoản cá nhân với sự giúp đỡ của người lớn  - Nhận diện một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu  **b.** **Chia sẻ thông tin an toàn :**  - Thông tin cá nhân chỉ nên chia sẻ cho những người mình biết và tin tưởng ở thế giới thực trong các trường hợp cần thiết.  - Thông tin trên mạng đến từ nhiều nguồn khác nhau, không ai kiểm chứng. Khi đọc thông tin, phải biết chọn lọc thông tin chính xác. |
| **2. Hoạt động 2: SƠ ĐỒ TƯ DUY (5’)**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Hệ thống lại kiến thức về **SƠ ĐỒ TƯ DUY**  **b. Nội dung: SƠ ĐỒ TƯ DUY**  **c. Sản phẩm:** Kiến thức về **SƠ ĐỒ TƯ DUY**  **d.** **Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét | |
| **Hoạt động của GV** VÀ **HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau: Sơ đồ tư duy là gì? Theo em vẽ sơ đồ tư duy có những ưu điểm và hạn chế gì?  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  **-** Sơ đồ tư duy là phương pháp trình bày thông tin một cách trực quan bằng cách sử dụng văn bản, hình ảnh và các đường nối.  - Sơ đồ tư duy tận dụng tối đa khả năng ghi nhận hình ảnh của bộ não, giúp chúng ta dễ dàng ghi nhớ chi tiết, tổng hợp hay phân tích vấn đề. \* Ưu điểm:+ Quan hệ tương hỗ được làm rõ+ Các khái niệm then chốt được liên hệ ngay bằng thị giác+ Ghi nhớ dễ dàng hơn+ Dễ dàng thêm thông tin vào sơ đồ tư duy+ Có thể tận dụng sự hỗ trợ của các phần mềm trên máy tính **\* Hạn chế:**  + Sơ đồ tư duy có thể gây khó khăn cho những người rất logic trong cách họ suy nghĩ. Khi động não thì sơ đồ tư duy khuyến khích bạn để dòng chảy ý tưởng tự do, thậm chí cần phải để trực giác làm việc. Đối với người logic trong suy nghĩ sẽ khó tin vào trực quan vì suy nghĩ của họ sẽ tự cho rằng việc đó không khả thi.  + Để có thể hiểu được sự đóng góp tích cực mà sơ đồ tư duy mang lại là vô cùng quan trọng. Sơ đồ tư duy cung cấp thông tin và cấu trúc tự giải thích có thể hiểu rõ nhất bởi người tạo ra nó. Chính vì vậy, sẽ khó khăn với những người không chứng kiến hiệu quả hoàn toàn với sơ đồ tư duy.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | **2. SƠ ĐỒ TƯ DUY:**  **a. Khái niệm:**  **-** Sơ đồ tư duy là phương pháp trình bày thông tin một cách trực quan bằng cách sử dụng văn bản, hình ảnh và các đường nối.  - Sơ đồ tư duy tận dụng tối đa khả năng ghi nhận hình ảnh của bộ não, giúp chúng ta dễ dàng ghi nhớ chi tiết, tổng hợp hay phân tích vấn đề.  **b. Ưu điểm và hạn chế SĐTD:** \* Ưu điểm:+ Quan hệ tương hỗ được làm rõ+ Các khái niệm then chốt được liên hệ ngay bằng thị giác+ Ghi nhớ dễ dàng hơn+ Dễ dàng thêm thông tin vào sơ đồ tư duy+ Có thể tận dụng sự hỗ trợ của các phần mềm trên máy tính **\* Hạn chế:**  + Sơ đồ tư duy có thể gây khó khăn cho những người rất logic trong cách họ suy nghĩ. Khi động não thì sơ đồ tư duy khuyến khích bạn để dòng chảy ý tưởng tự do, thậm chí cần phải để trực giác làm việc. Đối với người logic trong suy nghĩ sẽ khó tin vào trực quan vì suy nghĩ của họ sẽ tự cho rằng việc đó không khả thi.  + Để có thể hiểu được sự đóng góp tích cực mà sơ đồ tư duy mang lại là vô cùng quan trọng. Sơ đồ tư duy cung cấp thông tin và cấu trúc tự giải thích có thể hiểu rõ nhất bởi người tạo ra nó. Chính vì vậy, sẽ khó khăn với những người không chứng kiến hiệu quả hoàn toàn với sơ đồ tư duy. |
| **3. Hoạt động 3: ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN (5’)**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Hệ thống lại kiến thức về **ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN**  **b. Nội dung: ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN**  **c. Sản phẩm:** Kiến thức về về **ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN**  **d. Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét | |
| **Hoạt động của GV** **VÀ HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau: Để định dạng trang văn bản em thực hiện như thế nào?  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  \* Định dạng văn bản: Thực hiện như sau  + B1: Nháy chuột vào dải lệnh Page layout 🡪 chọn các lệnh trong nhóm lệnh Page setup  + B2:  **\* Chọn hướng trang:**  - Nháy chuột vào nút mũi tên  bên dưới lệnh Orientation:  + Chọn Portrait : Hướng trang đứng  + Chọn Landscape: Hướng trang nằm ngang  **\* Đặt lề trang:**  + B1: Nháy chuột vào nút mũi tên  bên dưới lệnh Margins 🡪 Customs Margins.    + B2:  • Top: Lề trên.  • Bottom: Lề dưới.  • Left: Lề trái.  • Right: Lề phải    + B3: Nháy OK  **\* Lựa chọn khổ giấy:**  Nháy chuột vào nút mũi tên bên cạnh size 🡪 chọn khổ giấy A4  Screenshot_13  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | **3. ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN**:  Thực hiện như sau  + B1: Nháy chuột vào dải lệnh Page layout 🡪 chọn các lệnh trong nhóm lệnh Page setup  + B2:  **\* Chọn hướng trang:**  - Nháy chuột vào nút mũi tên  bên dưới lệnh Orientation:  + Chọn Portrait : Hướng trang đứng  + Chọn Landscape: Hướng trang nằm ngang  **\* Đặt lề trang:**  + B1: Nháy chuột vào nút mũi tên  bên dưới lệnh Margins 🡪 Customs Margins.    + B2:  • Top: Lề trên.  • Bottom: Lề dưới.  • Left: Lề trái.  • Right: Lề phải    + B3: Nháy OK  **\* Lựa chọn khổ giấy:**  Nháy chuột vào nút mũi tên bên cạnh size 🡪 chọn khổ giấy A4  Screenshot_13 |
| **4. Hoạt động 4: TRÌNH BÀY THÔNG TIN Ở DẠNG BẢNG (10’)**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Hệ thống lại kiến thức về **TRÌNH BÀY THÔNG TIN Ở DẠNG BẢNG**  **b. Nội dung: TRÌNH BÀY THÔNG TIN Ở DẠNG BẢNG**  **c. Sản phẩm:** Kiến thức về **TRÌNH BÀY THÔNG TIN Ở DẠNG BẢNG**  **d. Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét | |
| **Hoạt động của GV** **VÀ HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  Câu 1: Em hãy nêu các bước tạo bảng? Giải thích?  Câu 2: Hãy nêu cách định dạng bảng?  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  + Câu 1:  + B1: Nháy chuột vào dải lệnh Insert  + B2: Nháy chuột vào nút mũi tên dưới chữ table Screenshot_8 🡪 Chọn số cột và số hàng hợp lý  \* Câu 2:  + Nháy chuột vào dải lệnh Layout 🡪 chọn định dạng bảng:  **Screenshot_11**  \* Nháy chuột Delete: Xóa bảng, hàng, cột.  \* Chọn các lệnh trong nhóm lệnh Rows & Columns: Chèn thêm hàng hoặc cột.  \* Chọn các lệnh trong nhóm lệnh Merge: Gộp, tách ô, tách bảng.  \* Chọn các lệnh trong nhóm lệnh Cell Size: Điều chỉnh kích thước ô.  \* Chọn các lệnh trong nhóm lệnh Alignment: Căn chỉnh lề, hướng của văn bản trong ô.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | **4. TRÌNH BÀY THÔNG TIN Ở DẠNG BẢNG**:  **a. TẠO BẢNG :**  **Thực hiện như sau:**  + B1: Nháy chuột vào dải lệnh Insert  + B2: Nháy chuột vào nút mũi tên dưới chữ table Screenshot_8 🡪 Chọn số cột và số hàng hợp lý  **b. Định dạng bảng:**  + Nháy chuột vào dải lệnh Layout 🡪 chọn định dạng bảng:  **Screenshot_11**  \* Nháy chuột Delete: Xóa bảng, hàng, cột.  \* Chọn các lệnh trong nhóm lệnh Rows & Columns: Chèn thêm hàng hoặc cột.  \* Chọn các lệnh trong nhóm lệnh Merge: Gộp, tách ô, tách bảng.  \* Chọn các lệnh trong nhóm lệnh Cell Size: Điều chỉnh kích thước ô.  \* Chọn các lệnh trong nhóm lệnh Alignment: Căn chỉnh lề, hướng của văn bản trong ô. |
| **5. Hoạt động 5: TÌM KIẾM VÀ THAY THẾ (10’)**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Hệ thống lại kiến thức về **TÌM KIẾM VÀ THAY THẾ**  **b. Nội dung: TÌM KIẾM VÀ THAY THẾ**  **c. Sản phẩm:** Kiến thức về **TÌM KIẾM VÀ THAY THẾ**  **d. Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét | |
| **Hoạt động của GV** **VÀ HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau: Để tìm kiếm và thay thế thông tin em thực hiện như thế nào?  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  a. Tìm kiếm thông tin:  + B1: Nháy chuột vào dải lệnh Home 🡪 nháy chuột nút mũi tên bên phải chữ Find Screenshot_9 🡪 Chọn Find. Xuất hiện hộp thoại **trong ngăn bên trái**  + B2: Gõ từ hoặc cụm từ cần tìm kiếm rồi nhấn Enter  b. Thay thế thông tin:  + B1: Nháy chuột vào dải lệnh Home 🡪 nháy chuột vào replace trong nhóm lệnh Editing Screenshot_13 . Xuất hiện hộp thoại Find and replcae  + B2: Nháy chuột chọn thẻ Replcae  \* Trong ô Find what: gõ từ hoặc cụm từ cần tìm  \* Trong ô Replace with: gõ từ hoặc cụm từ thay thế  + B3: Nháy chuột vào Replace All: Thay thế tất cả các từ đã tìm kiếm hoặc nháy chuột Replace: Thay thế lần lượt từng từ hoặc cụm từ tìm kiếm  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | **5. TÌM KIẾM VÀ THAY THẾ:**  a. Tìm kiếm thông tin:  + B1: Nháy chuột vào dải lệnh Home 🡪 nháy chuột nút mũi tên bên phải chữ Find Screenshot_9 🡪 Chọn Find. Xuất hiện hộp thoại **trong ngăn bên trái**  + B2: Gõ từ hoặc cụm từ cần tìm kiếm rồi nhấn Enter  b. Thay thế thông tin:  + B1: Nháy chuột vào dải lệnh Home 🡪 nháy chuột vào replace trong nhóm lệnh Editing Screenshot_13 . Xuất hiện hộp thoại Find and replcae  + B2: Nháy chuột chọn thẻ Replcae  \* Trong ô Find what: gõ từ hoặc cụm từ cần tìm  \* Trong ô Replace with: gõ từ hoặc cụm từ thay thế  + B3: Nháy chuột vào Replace All: Thay thế tất cả các từ đã tìm kiếm hoặc nháy chuột Replace: Thay thế lần lượt từng từ hoặc cụm từ tìm kiếm |
| **6. Hoạt động 6: THUẬT TOÁN (10’)**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Hệ thống lại kiến thức về **THUẬT TOÁN**  **b. Nội dung: THUẬT TOÁN**  **c. Sản phẩm:** Kiến thức về **THUẬT TOÁN**  **d. Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét | |
| **Hoạt động của GV** **VÀ HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau: Thuật toán là gì? Em hãy nêu cách mô tả thuật toán và quy ước của nó?  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  \* Câu 1:  **-** Thuật toán là một dãy các chỉ dẫn rõ ràng, có trình tự sao cho khi thực hiện những chỉ dẫn này người ta giải quyết được những vấn đề hoặc nhiệm vụ đã cho  \* Câu 2:  - Có hai cách để mô tả thuật toán là liệt kê các bước bằng ngôn ngữ tự nhiên và sử dụng sơ đồ khối.  - Sơ đồ khối của thuật toán là một sơ đồ gồm các hình mô tả các bước và đường có mũi tên để chỉ hướng thực hiện  - Quy ước:  Screenshot_4  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | **6. THUẬT TOÁN**:  **a. Khái niệm:**  **-** Thuật toán là một dãy các chỉ dẫn rõ ràng, có trình tự sao cho khi thực hiện những chỉ dẫn này người ta giải quyết được những vấn đề hoặc nhiệm vụ đã cho  **b. Mô tả thuật toán:**  - Có hai cách để mô tả thuật toán là liệt kê các bước bằng ngôn ngữ tự nhiên và sử dụng sơ đồ khối.  - Sơ đồ khối của thuật toán là một sơ đồ gồm các hình mô tả các bước và đường có mũi tên để chỉ hướng thực hiện  - Quy ước:  Screenshot_4 |
| **7. Hoạt động 7: CÁC CẤU TRÚC ĐIỀU KHIỂN (10’)**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Hệ thống lại kiến thức về **CÁC CẤU TRÚC ĐIỀU KHIỂN**  **b. Nội dung: CÁC CẤU TRÚC ĐIỀU KHIỂN**  **c. Sản phẩm:** Kiến thức về **CÁC CẤU TRÚC ĐIỀU KHIỂN**  **d. Tổ chức thực hiện:** Giao nhiệm vụ, học sinh báo cáo, đánh giá và nhận xét | |
| **Hoạt động của GV** **VÀ HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  Câu 1: Cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh là gì? Hãy nêu sơ đồ cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh dạng thiếu và đủ? Giải thích?  Câu 2: Cấu trúc lặp dùng để làm gì? Trong cấu trúc lặp gồm những bước nào? Hãy nêu sơ đồ cấu trúc lặp? Giải thích?  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  Câu 1:  **+ Cấu trúc tuần tự:** Thực hiện từ bước đầu tiên đến bước cuối cùng (kết thúc) theo thứ tự  + Cấu trúc rẽ nhánh: Kiểm tra điều kiện đúng hay sai. Nếu đúng sẽ thực hiện tiếp, nếu sai sẽ dừng thuật toán.  + Sơ đồ cấu trúc tuần tự:  Screenshot_4  Giải thích: Thực hiện từ lệnh 1 đến lệnh 3 theo thứ tự  + Sơ đồ cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu:  Screenshot_5  + Giải thích: Nếu câu lệnh thực hiện đúng sẽ thực hiện tiếp, nếu câu lệnh thực hiện sai sẽ dừng lại  + Sơ đồ cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ:  Screenshot_6  + Giải thích: Nếu câu lệnh thực hiện đúng sẽ thực hiện câu lệnh 1, nếu câu lệnh thực hiện sai sẽ thực hiện câu lệnh 2  Câu 2:  + Cáu trúc lặp dùng để mô tả các bước của thuật toán được thực hiện lặp lại nhiều lần  + Trong cấu trúc lặp, bao giờ cũng có bước kiểm tra điều kiện kết thúc quá trình lặp.  + Sơ đồ  **Screenshot_12**  + Giải thích: Nếu điều kiện đúng thực hiện câu lệnh, nếu điều kiện sai kết thúc câu lệnh  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | **7. CÁC CẤU TRÚC ĐIỀU KHIỂN**:  **a. Cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh:**  **+ Cấu trúc tuần tự:** Thực hiện từ bước đầu tiên đến bước cuối cùng (kết thúc) theo thứ tự  + Cấu trúc rẽ nhánh: Kiểm tra điều kiện đúng hay sai. Nếu đúng sẽ thực hiện tiếp, nếu sai sẽ dừng thuật toán.  + Sơ đồ cấu trúc tuần tự:  Screenshot_4  Giải thích: Thực hiện từ lệnh 1 đến lệnh 3 theo thứ tự  + Sơ đồ cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu:  Screenshot_5  + Giải thích: Nếu câu lệnh thực hiện đúng sẽ thực hiện tiếp, nếu câu lệnh thực hiện sai sẽ dừng lại  + Sơ đồ cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ:  Screenshot_6  + Giải thích: Nếu câu lệnh thực hiện đúng sẽ thực hiện câu lệnh 1, nếu câu lệnh thực hiện sai sẽ thực hiện câu lệnh 2  **b. Cấu trúc lặp:**  - Cấu trúc lặp dùng để mô tả các bước của thuật toán được thực hiện lặp lại nhiều lần  + Trong cấu trúc lặp, bao giờ cũng có bước kiểm tra điều kiện kết thúc quá trình lặp.  + Sơ đồ  **Screenshot_12**  + Giải thích: Nếu điều kiện đúng thực hiện câu lệnh, nếu điều kiện sai kết thúc câu lệnh |
| **C. HOẠT ĐỘNG 3 : LUYỆN TẬP (15’)**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Hệ thống lại kiến thức đã học dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm  **b. Nội dung:** Ôn tập lại kiến thức đã học  **c. Sản phẩm:** Trả lời được câu hỏi dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm  **d. Tổ chức thực hiện: Minh Huy** | |
| **Hoạt động của GV** **VÀ HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm sau:  **Câu 1:** Loại file nào có thể phát tán được virus.  A. .EXE  B. .COM  C. .DOC  D. tất cả các file trên  **Câu 2:**Virus máy tính là:  A. Một chương trình hay đoạn chương trình  B. Có khả năng tự nhân bản hay sao chép chính nó  C. Từ đối tượng bị lây nhiễm này sang đối tượng khác mỗi khi đối tượng bị lây nhiễm (vật mang virus) được kích hoạt  D. Cả A, B và C  **Câu 3:** Để phòng tránh virus, chúng ta nên tuân thủ thực hiện đúng việc nào sau đây?  A. Không truy cập Internet  B. Định kỳ quét và diệt virus bằng các phần mềm diệt virus  C. Mở những tệp gửi kèm trong thư điện tử gửi từ địa chỉ lạ  D. Chạy các chương trình tải từ Internet về  **Câu 4:** Vì sao cần bảo vệ thông tin máy tính?  A. Trong máy tính có những thông tin rất quan trọng  B. Trong quá trình sử dụng có thể có những rủi ro làm mất thông tin trong máy tính  C. Sự mất an toàn thông tin ở quy mô lớn hoặc ở tầm quốc gia có thể đưa đến những hậu quả vô cùng to lớn  D. Cả A, B và C  Câu 5: Để khởi động phần mềm SĐTD em thực hiện như thế nào?  a. Nháy đúp chuột phải vào biểu tượng Xmind trên màn hình nền.  b. Nháy đúp chuột trái vào biểu tượng Xmind trên màn hình nền.  c. Nháy chuột phải vào biểu tượng Xmind trên màn hình nền.  d. Nháy chuột trái vào biểu tượng Xmind trên màn hình nền.  Câu 6: Sơ đồ tư duy là  a. Một công cụ tổ chức thông tin phù hợp với quá trình tư duy  b. Một phương pháp chuyển tải thông tin  c. Một cách ghi chép sáng tạo  d. Một công cụ soạn thảo văn bản  **Câu 7:** Các lệnh định dạng văn bản được chia thành các loại sau:  A. Định dạng kí tự  B. Định dạng đoạn văn bản  C. Định dạng trang  D. Cả A, B và C đều đúng  **Câu 8:** Để định dạng trang, ta cần thực hiện lệnh:  A. Nháy chuột vào dải lệnh File→ chọn Page Setup…  B. Nháy chuột vào dải lệnh Page layout → chọn Setup…  C. Nháy chuột vào dải lệnh File → chọn Print Setup…  D. Nháy chuột vào dải lệnh Insert → chọn Page Setup…  **Câu 9:** Để in được văn bản, em thực hiện như thế nào?  A. Nháy chuột vào File 🡪 Print 🡪 chọn Print (máy in)  B. Nháy chuột vào Print 🡪 chọn Print (máy in) 🡪File  C. Nhấn tổ hợp phím Ctrl + P 🡪 Nhấn En.ter  D. Cả a, c đều đúng  **Câu 10:** Để định dạng đoạn văn bản em sử dụng các lệnh nào?  A. Format/Font  B. Home /Paragraph  C. File/Paragraph  D. Format/Paragraph  **Câu 11:** Để thêm cột nằm bên trái của bảng ta thực hiện lệnh nào trong các lệnh sau?  A. Table Tools/ Layout/ Insert Right  B. Table Tools/ Layout/ Delete/ Table  C. Table Tools/ Layout/ Insert Left  D. Table Tools/ Layout/ Insert Above  **Câu 12:** Muốn xóa cột ta nháy chuột vào ô cần xóa rồi chọn lệnh nào?  A. Table Tools/ Layout/ Delete/ Delete Rows  B. Table Tools/ Layout/ Delete/ Table  C. Table Tools/ Layout/ Delete/ Delete Columns  D. Table Tools/ Layout/ Delete/Cells  **Câu 13:** Để tạo bảng ta có thể chọn nút lệnh:  A.  Screenshot_1.png B.  Screenshot_1.png C.  Screenshot_1.png D. Screenshot_1.png  **Câu 14:** Trong khi soạn thảo văn bản, giả sử ta cần thay thế chữ “Thầy giáo” thành chữ “Giáo viên” thì ta thực hiện chọn:  A. Dải Home chọn lệnh Editing/Replace…  B. Dải Home chọn lệnh Editing/Clear…  C. Dải Home chọn lệnh Editing/Find…  D. Dải Home chọn lệnh Editing/Goto…  **Câu 15:** Trong khi soạn thảo văn bản, giả sử ta cần tìm kiếm chữ “Thầy giáo” thì ta thực hiện chọn:  A. Dải Home chọn lệnh Editing/Clear…  B. Dải Home chọn lệnh Editing/Find…  C. Dải Home chọn lệnh Editing/Replace…  D. Dải Home chọn lệnh Editing/Goto…  **Câu 16:** Thuật toán có tính:  A. Tính xác định, tính liên kết, tính đúng đắn  B. Tính dừng, tính liên kết, tính xác định  C. Tính dừng, tính xác định, tính đúng đắn  D. Tính tuần tự: Từ đầu vào cho ra đầu ra  **Câu 17:** Cho bài toán kiểm tra tính nguyên tố của một số nguyên dương N. Hãy xác đinh đầu ra của bài toán này?  A. N là số nguyên tố  B. N là số nguyên tố hoặc N không là số nguyên tố  C. N không là số nguyên tố  D. Tất cả các ý trên đều sai  **Câu 18.** Hãy chọn phương án ghép đúng nhất . Để mô tả cấu trúc rẽ nhánh trong thuật toán, nhiều ngôn ngữ lập trình bậc cao dùng câu lệnh **IF – THEN**, sau **IF** là <*điều kiện*> . *Điều kiện* là  A. biểu thức lôgic;  B. biểu thức số học;  C. biểu thức quan hệ;  D. một câu lệnh;  **Câu 19.** Hãy chọn phương án ghép đúng . Với cấu trúc rẽ nhánh **IF** <*điều kiện*>  **THEN** <*câu lệnh 1*> **ELSE** <*câu lệnh 2*>, *câu lệnh 2* được thực hiện khi  A. biểu thức *điều kiện* đúng và *câu lệnh 1* thực hiện xong;  B. *câu lệnh 1* được thực hiện;  C. biểu thức *điều kiện* sai;  D. biểu thức *điều kiện* đúng;  **Câu 20:** Mọi quá trình tính toán đều có thể mô tả và thực hiện dựa trên cấu trúc cơ bản là:  A. Cấu trúc tuần tự  B. Cấu trúc rẽ nhánh  C. Cấu trúc lặp  D. Cả ba cấu trúc  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.   |  |  | | --- | --- | | Đáp án | Đáp án | | 1. A  2. D  3. B  4. D  5. B  6. A  7. D  8. B  9. D  10. B | 11. C  12. C  13. B  14. A  15. B  16. C  17. B  18. A  19. C  20. D |   GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | **\* TRẮC NGHIỆM:**  1. A  2. D  3. B  4. D  5. B  6. A  7. D  8. B  9. D  10. B  11. C  12. C  13. B  14. A  15. B  16. C  17. B  18. A  19. C  20. D |
| **D. HOẠT ĐỘNG 4 : VẬN DỤNG (12’)**  **Mục tiêu hoạt động:** Biết được các kiến thức trả lời các câu hỏi vận dụng  **Nội dung:** Hệ thống các kiến thức trả lời các câu hỏi vận dụng  **\* Sản phẩm:** Kết quả các kiến thức trả lời các câu hỏi vận dụng  **\* Tổ chức thực hiện: Minh Huy** | |
| **Hoạt động của GV** **VÀ HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:  Câu 1: Em sẽ làm gì khi phát hiện bạn bè hoặc người thân có nguy cơ bị hại khi truy cập mạng Internet?  Câu 2: Tạo SĐTD trên máy tính hoặc trên giấy về chủ đề buổi dã ngoại?  Câu 3: Em có thể định dạng các phần khác nhau của văn bản bằng nhiều phông chữ khác nhau được không? Em có nên dùng *quá nhiều phông chữ khác nhau* trong một văn bản hay không? Tại sao?  Câu 4: Một văn bản đã được trình bày với trang ngang. Em có thể đặt lại văn bản đó theo hướng trang đứng được hay không? Nếu có, em cần thực hiện như thế nào?  Câu 5: Em hãy trình bày nội dung sau dưới dạng bảng:  a. Thời khóa biểu lớp em.  b. Thời gian biểu hoạt động các ngày trong tuần của em.  Câu 6: Em hãy MTTT tính điểm TB ba môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh theo hai cách: Liệt kê các bước và sơ đồ khối?  Câu 7: Cô giáo điểm danh bằng cách gọi tên từng bạn trong danh sách lớp. Nếu bạn nào trả lời cô thì cô giáo gọi bạn tiếp theo, còn không thì cô giáo đánh dấu vắng mặt và gọi bạn tiếp theo. Việc đánh dấu của cô giáo có thể mô tả bằng những cấu trúc nào? Em hãy vẽ sơ đồ khối mô tả cấu trúc đó?  - **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Quan sát các nhóm hoạt động, hỗ trợ các các nhân hoặc nhóm gặp khó khăn. Có thể cho phép các em HS khá, giỏi hỗ trợ các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn.  HS: Các nhóm thảo luận, thống nhất kết quả luận ghi vào bảng nhóm, phân công thành viên nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả khi hết thời gian quy định thảo luận nhóm.  **Báo cáo kết quả thảo luận:**  GV: Thông báo hết thời gian hoạt động nhóm. Gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả hoạt động.  GV: Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá và chấm điểm chéo nhau theo phân công của GV.  HS: Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.  **- Nhận xét, đánh giá, kết luận chốt kiến thức:**  GV: Nhận xét, đánh giá chung cho kết quả hoạt động của các nhóm. | Câu 1: Em sẽ làm gì khi phát hiện bạn bè hoặc người thân có nguy cơ bị hại khi truy cập mạng Internet?  Câu 2: Tạo SĐTD trên máy tính hoặc trên giấy về chủ đề buổi dã ngoại?  Câu 3: Em có thể định dạng các phần khác nhau của văn bản bằng nhiều phông chữ khác nhau được không? Em có nên dùng *quá nhiều phông chữ khác nhau* trong một văn bản hay không? Tại sao?  Câu 4: Một văn bản đã được trình bày với trang ngang. Em có thể đặt lại văn bản đó theo hướng trang đứng được hay không? Nếu có, em cần thực hiện như thế nào?  Câu 5: Em hãy trình bày nội dung sau dưới dạng bảng:  a. Thời khóa biểu lớp em.  b. Thời gian biểu hoạt động các ngày trong tuần của em.  Câu 6: Em hãy MTTT tính điểm TB ba môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh theo hai cách: Liệt kê các bước và sơ đồ khối?  Câu 7: Cô giáo điểm danh bằng cách gọi tên từng bạn trong danh sách lớp. Nếu bạn nào trả lời cô thì cô giáo gọi bạn tiếp theo, còn không thì cô giáo đánh dấu vắng mặt và gọi bạn tiếp theo. Việc đánh dấu của cô giáo có thể mô tả bằng những cấu trúc nào? Em hãy vẽ sơ đồ khối mô tả cấu trúc đó? |

Ngày soạn:

**KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**

**I. MỤC TIÊU:**

***1.******Kiến thức:***Củng cố các kiến thức đã học, giúp học sinh hệ thống lại kiến thức đã học từ đầu học kỳ II đến nay.

**2.Về năng lực: Minh Huy**

**2.1. Năng lực chung**

Thực hiện tiết ôn tập này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

**Năng lực tự chủ, tự học**: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận

**Năng lực giao tiếp và hợp tác**: Học sinh thảo luận nhóm để để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận.

**Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về các kiến thức đã học từ đầu năm học đến nay qua các bài đã học.

**2.2. Năng lực Tin học**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

**Năng lực A (NLa):**

– Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

**Năng lực C (NLc):** Hệ thống lại kiến thức từ đầu học kỳ II đến nay

**Năng lực D (NLd):**

–*Sử dụng* máy tính để bảo vệ thông tin máy tính, vẽ được Sơ đồ tư duy, soạn thảo văn bản đơn giản.

**Năng lực E (NLe):**

**-** Năng lực hợp tác trong môi trường số.

**3.Về phẩm chất:**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

- Nhân ái:Thể hiện sự cảm thông và sẳn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu

**2. Học liệu:**

- GV: Ra đề và đáp án, đánh máy, in ấn.

- Học sinh: Ôn tập kỹ các bài đã học qua các chủ đề

**III. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức :**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Tiết | Ngày dạy | Sĩ số | Ghi chú |
| 6A1 |  |  |  |  |
| 6A2 |  |  |  |  |
| 6A3 |  |  |  |  |
| 6A4 |  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** không

**3. Giảng bài mới:**

1.Ma trận đề :

| **Caáp ñoä**  **Teân**  **chuû ñeà** | **Nhaän bieát** | | **Thoâng hieåu** | | **Vaän duïng** | | | | **Cộng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Caáp ñoä thaáp** | | **Caáp ñoä cao** | |  |
| **TNKQ**  **Minh Huy** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **CHỦ ĐỀ 4: ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Bài 9: An toàn thông tin trên Internet** |  |  | Hiểu được lợi ích của Internet |  |  | Vận dụng khi ttuy cập vào Internet sử dụng đượ mạng xã hội lành mạnh và hiệu quả |  |  |  |
| **Soá caâu:**  **Soá ñieåm:**  **Tæ leä %:** |  |  | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5%** |  |  | **1 câu**  **1,5 điểm**  **15%** |  |  | **2 câu**  **2,0 điểm**  **20%** |
| **CHỦ ĐỀ 5: ỨNG DỤNG TIN HỌC** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Bài 10: Sơ đồ tư duy** | Biết phần mềm vẽ SĐTD |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Soá caâu:**  **Soá ñieåm:**  **Tæ leä %:** | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5%** |  |  |  |  |  |  |  | **1,0 câu**  **0,5 điểm**  **5 %** |
| **Bài 11:**  **Định dạng văn bản** |  |  | Hiểu được các bước định dạng trang văn bản |  |  |  |  |  |  |
| **Soá caâu:**  **Soá ñieåm:**  **Tæ leä %:** |  |  | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5 %** |  |  |  |  |  | **1,0 câu**  **0,5 điểm**  **5 %** |
| **Bài 12:**  **Trình bày thông tin ở dạng bảng** |  | Biết được các bước định dạng bảng | Hiểu được cách thêm cột vào bảng | Hiểu được các bước tạo bảng |  |  |  |  |  |
| **Soá caâu:**  **Soá ñieåm:**  **Tæ leä %:** |  | **0,5 câu**  **1,5 điểm**  **10 %** | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5 %** | **0,5 câu**  **0, 5 điểm**  **5 %** |  |  |  |  | **2,0 câu**  **2,5 điểm**  **25 %** |
| **Bài 13: Thực hành tìm kiếm và thay thế** |  |  | Hiểu được cách tìm kiếm từ khóa trong văn bản |  |  |  |  |  |  |
| **Soá caâu:**  **Soá ñieåm:**  **Tæ leä %:** |  |  | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5 %** |  |  |  |  |  | **1,0 câu**  **0, 5 điểm**  **5 %** |
| **CHỦ ĐỀ 6: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP MÁY TÍNH** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Bài 15: Thuật toán** |  |  | Hiểu được thuật toán | Hiểu khái niệm thuật toán |  |  |  |  |  |
| **Soá caâu:**  **Soá ñieåm:**  **Tæ leä %:** |  |  | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5 %** | **0,5 câu**  **0, 5 điểm**  **5 %** |  |  |  |  | **1,5 câu**  **1,0 điểm**  **10 %** |
| **Bài 16: Các cấu trúc điều khiển** | Biết được các cấu trúc điều khiển |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Soá caâu:**  **Soá ñieåm:**  **Tæ leä %:** | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5 %** |  |  |  |  |  |  |  | **1,0 câu**  **0, 5 điểm**  **5 %** |
| **Bài 17: Chương trình máy tính** | Biết tính ra kết quả chương trình máy tính |  |  |  |  |  |  | Xác định đầu vào, đầu ra và MTTT chương trình máy tính |  |
| **Soá caâu:**  **Soá ñieåm:**  **Tæ leä %:** | **1 câu**  **0, 5 điểm**  **5 %** |  |  |  |  |  |  | **0, 5 câu**  **2,0 điểm**  **20%** | **1,5 câu**  **2,5 điểm**  **25 %** |
| **Toång soá caâu:** | **3,5** | | **6,0** | | **1,0** | | **0,5** | | **11** |
| **Toång soá ñieåm:**  **Tæ leä %** | **3,5 câu**  **3,0 điểm**  **30 %** | | **4,5 câu**  **3,5 điểm**  **35 %** | | **1,0 câu**  **1,5 điểm**  **15 %** | | **0,5 câu**  **2,0 điểm**  **20 %** | | **11 câu**  **10 điểm**  **100%** |

**A. TRẮC NGHIỆM:(4 điểm)**

**Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu em cho là đúng**

Câu 1: Theo em, tình huống nào sau đây giúp ích cho em khi sử dụng internet.

A. Thông tin cá nhân hoặc tập thể bị đánh cắp.

1. Bị bạn quen trên mạng lừa đảo.
2. Hoàn thành chương trình học tập trên mạng Internet
3. Nghiện mạng xã hội, nghiện trò chơi trên mạng.

Câu 2: Phần mềm nào sau đây là phần mềm Sơ đồ tư duy

**A.** Xmind B. Bmindmap 10

C. Word D. Cả A, B đều đúng

Câu 3: Để định dạng trang, ta cần thực hiện lệnh:

A. Nháy chuột vào dải lệnh Page layout → chọn Setup…

B. Nháy chuột vào dải lệnh File→ chọn Page Setup…

C. Nháy chuột vào dải lệnh File → chọn Print Setup…

D. Nháy chuột vào dải lệnh Insert → chọn Page Setup…

Câu 4: Để thêm cột nằm bên phải của bảng ta thực hiện lệnh nào trong các lệnh sau?

A. Table Tools/ Layout/ Delete/ Table

B. Table Tools/ Layout/ Insert Right

C. Table Tools/ Layout/ Insert Left

D. Table Tools/ Layout/ Insert Above

Câu 5: Trong khi soạn thảo văn bản, giả sử ta cần tìm kiếm chữ “Thầy giáo” thì ta thực hiện chọn:

A. Dải Home chọn lệnh Editing/Find…

B. Dải Home chọn lệnh Editing/Goto…

C. Dải Home chọn lệnh Editing/Replace…

D. Dải Home chọn lệnh Editing/Clear…

Câu 6:  Thuật toán có tính:

A. Tính xác định, tính liên kết, tính đúng đắn

B. Tính dừng, tính liên kết, tính xác định

C. Tính dừng, tính xác định, tính đúng đắn

D. Tính tuần tự: Từ đầu vào cho ra đầu ra

Câu 7: Mọi quá trình tính toán đều có thể mô tả và thực hiện dựa trên cấu trúc cơ bản là:

A. Cấu trúc tuần tự B. Cấu trúc rẽ nhánh

C. Cấu trúc lặp D. Cả ba cấu trúc

Câu 8: Cho a = 5, b = 7. Kết quả chương trình tính tổng hai số a và b là:

A. 10 B. 12 C. 2 d. 35

**B. TỰ LUẬN: (6,0 điểm)**

**Câu 1:** (1,5 điểm) Khi còn ngồi trên ghế nhà trường, em làm thế nào để sử dụng mạng xã hội và chia sẻ thông tin trên Internet có hiệu quả?

Câu 2: (2,0 điểm) Hãy nêu các bước tạo bảng và định dạng bảng?

Câu 3: (2,5 điểm) Thuật toán là gì? Thực hiện xác định đầu vào, đầu ra và viết thuật toán tính điểm trung bình ba môn Toán, Văn và Tiếng Anh để xét xem HS được thưởng ngôi sao hay cần cố gắng hơn.

-----------------------------------//-----------------------------------

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)**  Đúng mỗi câu 0,5 điểm, sai ghi 0 điểm.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | Đáp án | C | D | A | B | A | C | D | B | | | |
| **PHẦN II : TỰ LUẬN (6,0 điểm)** | | |
| **Câu** | **Nội dung đáp án** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1:**  *1,5 điểm* | - Trang bị cho con kỹ năng bảo mật thông tin cá nhân trên mạng xã hội- Thống nhất về thời gian sử dụng Internet- Có trách nhiệm trên môi trường trực tuyến- Khuyến khích đầu tư nhiều hơn vào các hoạt động trải nghiệm thực tế- Sử dụng công nghệ thông tin để làm bạn với sự giám sát của gia đình, thầy cô giáo. - Khuyến khích, động viên bạn bè và người thân chia sẻ thông tin phòng chống Covid-19 lành mạnh và bảo vệ bản thân theo bộ y tế 5K trên mạng Internet. | *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm* |
| **Câu 2:**  *2,0 điểm* | **- Tạo bảng:**  **Thực hiện như sau:**  + B1: Nháy chuột vào dải lệnh Insert  + B2: Nháy chuột vào nút mũi tên dưới chữ table Screenshot_8 🡪 Chọn số cột và số hàng hợp lý  **b. Định dạng bảng:**  + Nháy chuột vào dải lệnh Layout 🡪 chọn định dạng bảng:  \* Nháy chuột Delete: Xóa bảng, hàng, cột.  \* Chọn các lệnh trong nhóm lệnh Rows & Columns: Chèn thêm hàng hoặc cột.  \* Chọn các lệnh trong nhóm lệnh Merge: Gộp, tách ô, tách bảng.  \* Chọn các lệnh trong nhóm lệnh Cell Size: Điều chỉnh kích thước ô.  \* Chọn các lệnh trong nhóm lệnh Alignment: Căn chỉnh lề, hướng của văn bản trong ô. | *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm* |
| **Câu 3:**  *2,5 điểm*  **Minh Huy** | - Thuật toán là một dãy các chỉ dẫn rõ ràng, có trình tự sao cho khi thực hiện những chỉ dẫn này người ta giải quyết được những vấn đề hoặc nhiệm vụ đã cho  \* Xác định đầu vào, đầu ra:  - Đầu vào: Ba số a, b, c (điểm Toán, Văn và Tiếng Anh).  - Đầu ra: Thông báo “Bạn được thưởng ngôi sao” hay “Bạn cố gắng lên nhé”  \* Mô tả thuật toán:  - HS1 có điểm Toán được 9, điểm Văn là 8 và điểm Tiếng Anh là 10. Khi đó dữ liệu đầuvào là a = 9, b = 8, c = 10 chương trình tính ĐTB = (9 + 8 + 10)/3 = 9, vì ĐTB > 8 nên đầu ra chương trình thông báo “Bạn được thưởng sao”  - HS2 có điểm Toán được 7, điểm Văn là 6 và điểm Tiếng Anh là 8. Khi đó dữ liệu đầu vào là a = 7, b = 6, c = 8, chương trình tính ĐTB = (7 + 6 + 8)/3 = 7, vì ĐTB < 8 nên đầu ra chương trình thông báo “Bạn cố gắng lên nhé”. | *0,5 điểm*  *0,5 điểm*  *0,5 điểm*  *0,5 điểm*  *0,5 điểm* |